UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học
Ngành đào tạo: Kiểm toán
Mã số: 7340302

Thanh Hóa, năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHĐ, ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Cử nhân Kiểm toán
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Bachelor of Auditing
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	734.03.02
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Kế toán tài chính
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	3,5 đến 4,0 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	Theo quy định đào tạo hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	- Sau khi tốt nghiệp cử nhân kiểm toán có thể đảm nhận các công việc: Kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ; cán bộ trong cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước; cán bộ kế toán, tài chính và thuế; Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kiểm toán hoặc kế toán - Sau khi tốt nghiệp cử nhân kiểm toán có thể công tác tại: Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước; các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các Trường, Học viện, Viện hay Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán, kế toán. - Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành Kiểm toán có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	1. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Học viện Tài chính 2020 2. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân (2021) 3. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022 – Trường đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng 4. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022 5. Viện Kế toán Kiểm toán Trường đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội 6. Trường đại học Far Eastern, Philippines, Bachelor of Science in Internal Auditing

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kiểm toán; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong môi trường làm việc thay đổi, linh hoạt. Có thể tự khởi nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước; có khả năng tiếp tục học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của công việc.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1.1. Kiến thức

PO1: Có kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

PO3: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyên môn kiểm toán cũng như để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế.

PO4: Có kiến thức sâu, rộng về kiểm toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong công tác kiểm toán ở các đơn vị thuộc các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO5: Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

PO6: Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kiểm toán trong doanh nghiệp và trong các tổ chức khác. Người học có kỹ năng về lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tổ chức giám sát, quản lý và điều hành hoạt động kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO7: Có năng lực tự thích nghi và học tập suốt đời, có khả năng làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm, có tác phong chuyên nghiệp, cầu thị, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm phản biện xã hội.

2.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành kiểm toán trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

2.2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp...

PLO3: Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp để phân tích, đánh giá và báo cáo về tình hình tài chính doanh nghiệp, tư vấn, hỗ trợ nhà quản lý trong quá trình ban hành các quyết định về chính sách tài chính, đầu tư, nhân sự và marketing và các hoạt động khác trong đơn vị kiểm toán.

PLO4: Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu của kế toán tài chính để phân tích báo cáo tài chính và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác kiểm toán từ khâu lập kế hoạch, tìm kiếm bằng chứng kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán

PLO5: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh để có thể thực hiện chức năng đánh giá, báo cáo và tư vấn cho các nhà lãnh đạo trong việc quản lý và ra các quyết định quản trị.

PLO6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu kiểm toán như: Kiểm toán nội bộ, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động để phân tích, đánh giá, báo cáo và tư vấn về tình hình tài sản; tình hình tuân thủ; tính hiệu quả, hiệu năng và tính kinh tế trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, và các đơn vị tổ chức khác.

2.2.2. Kỹ năng

PLO7: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học.

PLO8: Có kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch, kỹ năng xử lý các tình huống để thực hiện điều phối các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ như lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện các kỹ thuật kiểm toán, có khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán các đơn vị, tổ chức

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Thích nghi được với sự phát triển của xã hội và ngành nghề trong tương lai để tự phát triển bản thân, học hỏi và cập nhật kiến thức mới; hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, tháo luận	Thực hành	Tự học			
A	**KHỐI KIẾN THỨC GDĐC**		**45**							
I	**Lý luận chính trị**		**13**							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác - LN	2	21	18		90	1	2	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	3	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18	12	90	1	4	LSĐ-TTHCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4	LSĐ-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90		3	Luật
II	**Khoa học QL, KHXH & nhân văn**		**14**							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		6	QTKD
8	151017	PP NCKH chuyên ngành Kinh tế và QTKD	3	27	36		135		5	Kinh tế
9	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	24		90		1	VNH-DL
10	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90		1	Sinh học
11	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	196025	Logic học đại cương	2	18	24		90		5	LL Mác – LN
b	181002	Tâm lý học quản lý KD	2	18	18	6	90		5	Tâm lý học
12	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24	-	90		2	Địa lý
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24	-	90		2	Kinh tế
c	196030	Lịch sử các học thuyết KT	2	18	24	-	90		2	LL Mác – LN
III	**Khoa học tự nhiên-công nghệ**		**8**							
13	114025	Toán cao cấp	2	18	24	-	90		1	ĐS-HH
14	114005	Xác suất thống kê	3	27	36	-	135	13	2	ĐS-HH
15	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		1	MMT & ƯD
IV	**Ngoại ngữ**		**10**							
16	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
17	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	16	2	NN KC
18	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	17	3	NN KC
V	**Giáo dục thể chất**		**4**							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10		20	90		1	LL&PPGD-GDTC

	Giáo dục thể chất 2 (*Chọn 1 /5 HP*)		2			30			2	Bóng- ĐK
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng- ĐK
b	191032	Thể dục AEROBIC	2			30	90		2	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
e	191035	Vovinam – Việt võ đạo	2			30	90		2	
VI	**Giáo dục quốc phòng an ninh**		**165t**					-		TT.GDQP
B	**KHỐI KIẾN THỨC GDCN**		**83**							
I	**Kiến thức cơ sở**		**20**							
19	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135	-	2	Kinh tế
20	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135	19	3	Kinh tế
21	151016	Nguyên lý thống kê	3	27	36	-	135	13	3	Kinh tế
22	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135		2	KTQT
23	152140	Tài chính tiền tệ	3	27	36	-	135	2	4	TCNH
24	154025	Marketing căn bản	3	27	27	9	135		5	QTKD
25	197010	Luật kinh tế	2	18	24	-	90	6	5	Luật
II	**Kiến thức ngành**		**45**							
26	154121	Quản trị doanh nghiệp	3	27	36		135		5	QTKD
27	152007	Quản trị tài chính DN 1	3	27	36		135	23	5	TCNH
28	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	151090	Lý thuyết MH toán KT	3	27	36		135	20	4	TK- Toán KT
b	151003	Kinh tế lượng	3	27	36	-	135	20	4	Kinh tế
29	153085	Kế toán tài chính 1	4	36	36	12	180	22	3	KTTC
30	153084	Kế toán quản trị 1	3	27	36		135	22	4	KTQT
31	153091	Kế toán tài chính 2	4	36	24	24	180	29	4	KTTC
32	153025	Kiểm toán căn bản	3	27	36		135	31	5	KTTC
33	153024	Kiểm toán tài chính 1	2	18	24		90	32	6	KTTC
34	153067	Kiểm toán nội bộ	2	18	24		90	32	6	KTTC
35	153026	Kiểm toán tài chính 2	3	27	36		135	33	7	KTTC
36	153066	Thực hành nghề nghiệp kiểm toán	3	-	-	135	135	33	7	KTTC
37	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153047	Kế toán HC sự nghiệp	3	27	36		135	22	6	KTQT
b	155005	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc nhà nước	3	27	36		135	22	6	KTQT
38	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153048	Kế toán thuế	3	27	28	8	135	31	6	KTQT
b	153093	Kế toán quản trị 2	3	27	36		135	31	6	KTQT
39	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153056	Kế toán ngân sách xã	3	27	36		135	31	7	KTQT
b	153135	Tổ chức CTKT	3	27	20	16	135	31	7	KTQT
40	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	153012	Kiểm toán hoạt động	3	27	36		135	32	6	KTTC
b	153013	Kiểm toán tuân thủ	3	27	36		135	32	6	KTTC
III	**Kiến thức bổ trợ**		**7**							
41	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
a	152101	Thuế	3	27	36	-	135	23	7	TCNH
b	153125	Thị trường chứng khoán	3	27	36	-	135	23	7	TCNH
c	152100	Tài chính công	3	27	36	-	135	23	7	TCNH

42	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
a	152122	Phân tích hoạt động kinh doanh	4	36	48			31	7	KTQT
b	153001	Phân tích dữ liệu trong kế toán	4	36	48			31	7	KTQT
IV	**Thực tập/KLTN/HP thay thế**		**11**							
43	153130	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225		8	KTTC
	153099	Khoá luận tốt nghiệp	6		180		270		8	KTQT
	Học phần thay thế KLTN		6							
44	155020	Lập và Phân tích BCTC	3	27	28	8	135	31	8	KTQT
45	153034	Thực hành kiểm toán	3	27	12	24	135	31	8	KTTC
Tổng số tín chỉ			**128**							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 01 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 16, tự chọn:0)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x		18	18	6
3	118001	Môi trường và con người	2	x		18	18	6
4	114025	Toán cao cấp	2	x		18	24	
5	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
6	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
7	191004	Giáo dục thể chất 1	2	x		10		20
Học kỳ: 02 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 14, tự chọn:02)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x		21	18	
2	*Chọn 1 trong 3 học phần*							
A	125225	Địa lý kinh tế VN	2		x	18	20	4
B	151075	LS kinh tế quốc dân	2		x	18	24	-
C	196030	Lịch sử các học thuyết KT	2		x	18	24	-
3	114005	Xác suất và TK Toán học	3	x		27	36	
4	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
	Giáo dục thể chất 2 (*Chọn 1/5 HP*)				x			
A	191031	Bóng chuyền	2		x			30
B	191032	Thể dục AEROBIC	2		x			30
C	191033	Bóng đá	2		x			30
D	191024	Bóng rổ	2		x			30
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2		x			30
5	151050	Kinh tế vi mô	3	x		27	36	
6	153105	Nguyên lý kế toán	3	x		27	27	9
	Giáo dục quốc phòng an ninh		**165t**					
Học kỳ: 03 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	

2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
3	151016	Nguyên lý thống kê	3	x		27	36	
4	151061	Kinh tế vĩ mô	3	x		27	36	
5	153085	Kế toán tài chính 1	4	x		36	36	12
6	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
Học kỳ: 04 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 14, tự chọn:3)								
1	198030	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	
3	152140	Tài chính - Tiền tệ	3	x		27	30	6
4	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	151090	Lý thuyết MH toán KT	3		x	27	36	
B	151003	Kinh tế lượng	3		x	27	36	
5	153084	Kế toán quản trị 1	3	x		27	36	
6	153091	Kế toán tài chính 2	4	x		36	36	12
Học kỳ: 05 số tín chỉ 19 (bắt buộc: 17, tự chọn: 02)								
1	151017	Phương pháp nghiên cứu KHKT-QTKD	3	x		27	36	
2	*Chọn 1 trong 3 học phần*							
A	196025	Logic học đại cương	2		x	18	24	-
B	181002	Tâm lý học quản lý KD	2		x	18	18	6
3	154025	Marketing căn bản	3	x		27	27	9
4	154121	Quản trị doanh nghiệp	3	x		27	36	
5	152007	Quản trị tài chính DN 1	3	x		27	36	
6	153025	Kiểm toán căn bản	3	x		27	27	9
7	197010	Luật kinh tế	2	x		18	24	
Học kỳ: 06 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 7, tự chọn: 9)								
1	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
2	153024	Kiểm toán tài chính 1	2	x		18	24	
3	153067	Kiểm toán nội bộ	2	x		18	24	
4	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	153047	Kế toán HCSN	3		x	27	27	9
B	153005	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước	3		x	27	36	
5	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	153048	Kế toán thuế	3		x	27	28	8
B	153093	Kế toán quản trị 2	3		x	27	36	
6	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	153012	Kiểm toán hoạt động	3		x	27	36	
B	153013	Kiểm toán tuân thủ	3		x	27	36	
Học kỳ: 07 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 6, tự chọn: 10)								
1	153026	Kiểm toán tài chính 2	3	x		27	36	
2	153066	Thực hành nghề nghiệp kiểm toán	3	x		-	-	135
3	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	153056	Kế toán ngân sách xã	3		x	27	36	
B	153135	Tổ chức CTKT	3		x	27	20	16
4	*Chọn 1 trong 3 học phần*							

A	152101	Thuế	3		x	27	36	
B	153125	Thị trường chứng khoán	3		x	27	36	
C	152100	Tài chính công	3		x	27	36	
5	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
A	152122	Phân tích HĐKD	4		x	36	48	
B	153001	Phân tích dữ liệu trong kế toán	4		x	36	48	
Học kỳ: 08 số tín chỉ 11 (bắt buộc: 11, tự chọn: 0)								
1	153130	Thực tập tốt nghiệp	5	x				150
2	153099	Khóa luận tốt nghiệp	6	x			180	
	Học phần thay thế KLTN							
3	155020	Lập và Phân tích BCTC	3	x		27	28	8
4	153034	Thực hành kiểm toán	3	x		27	12	24
		Tổng	**128**					

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Phó giáo sư	04	0	04
2	Tiến sỹ	05	27	32
3	Thạc sỹ	04	17	21

5.2. Phòng học

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng kế toán mô phỏng… đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...cho các môn học chính.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực hành/thực tế	Các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp trong và ngoài tỉnh (tùy tình hình thực tế)
2	Thực tập	Các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp trong và ngoài tỉnh (tùy tình hình thực tế)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. Triết học Mac- Lê Nin/ Marxist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứnglàm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1:Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	**32**	**26**	**0**	**0**	**0**	**135**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 *(đánh giá khả năng tự nghiên cứu)*	CLO1 CLO2 CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 *(đánh giá bài kiểm tra viết)*	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 *(đánh giá bài thi trắc nghiệm)*	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD…).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.2. Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin / Political Econnomy

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.
- CO3*:* Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiên túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ỏ Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường dịnh hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**0**

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2 CLO3	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2	30%
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Viết	Rubric 4 *(đánh giá bài thi viết)*	CLO1 CLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ GD&ĐT (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1*:* Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin
- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hôi	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**90**

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)*	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of the Communist party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.
- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)
- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử
- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	**21**	**18**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: (**01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Tập 1,2,3, NXB Chính trị Quốc gia.

2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cở sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội
- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh
- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.
- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: (**01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15).

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. Pháp luật đại cương/General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 12TL, 12TH)
- Mã học phần:197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.
- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.
- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;
- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.
- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	**18**	**24**		**0**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật,* NXB Công an nhân dân.

2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam,* NXB Công an nhân dân.

6.7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/ Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần:154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp vàđổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo;tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyếtvề khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não… vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	**27**	**26**		**10***		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	

Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)*	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thangđiểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Hoằng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*. (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2) Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh,* NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.8. Phương pháp NCKH chuyên ngành KT-QTKD/ Research methodology for economic and business students

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL : 0TH)
- Mã học phần: 151017
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Sau khi nghiên cứu môn học, người học sẽ có

những phương pháp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế, quản trị. Nhận diện được vấn đề nghiên cứu, các phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu, các phương pháp phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu.
- CO2: Sinh viên có kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê và phần mềm hỗ trợ nghiên cứu như excel, SPSS, Eviews trong lĩnh vực kinh tế, quản trị.
- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu học phần để đạt được hiệu quả cao nhất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về NCKH trong lĩnh vực kinh tế như các phương pháp nghiên cứu, cách trình bày NCKH, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình NCKH.
- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích thông tin về vấn đề nghiên cứu.
- CLO3: Vận dụng các kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê như SPSS, Eviews trong xử lý, phân tích thông tin kinh tế.
- CLO4: Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học	3	3				15
ND2: Thống kê KQ hoạt động SX-KD của DN (tiếp)	2	3				10,5
Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu	4	5				15
Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết	5	6				15
Phương pháp thu thập thông tin	6	6				25
Phương pháp xử lý thông tin	6	14				50
Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học	3	2				15
Tổng	**27**	**36**				**135**

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành (P).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi trắc nghiệm	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
3	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
4	Trắc nghiệm (1 bài)	Rubric trắc nghiệm	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Trắc nghiệm	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO 1,2,3,4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, Nhà xuất bản ĐH KTQD.

2) Vũ Cao Đàm (2019), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học,* NXB Giáo dục Việt Nam.

6.9. Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Basic of VietNamese Culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 06TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những hiểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5

Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	**18**	**24**	**0**	**0**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

2) Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6.10. Môi trường và con người/ Environment and Human

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã số học phần: 125105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.
- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.
- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.
- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.
- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn
- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lí thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1.Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	2	3				15
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của	3	4				15

hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.						
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô	3	4				15

nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác						
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axít 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tâng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung cuae PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4				15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3				15
Tổng	**18**	**24**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp…)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm…)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3,4,5, 6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2) Luật bảo vệ môi trường 2020 *(Luật số: 72/2020/QH14)*.

6.11a. Logic học đại cương/ General logics

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 12 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 196025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương. Chương 2 giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgíc hình thức. Các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác của tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được nội dung của các hình thức cơ bản của tư duy : Khái niệm, phán đoán, suy luận. Có khả năng phân tích, luận giải được tính đúng đắn hoặc sai lầm của các tư tưởng trong quá trình lập luận. Lấy ví dụ cho các trường hợp vi phạm các quy luật cơ bản của tư duy ;
- CO2: Người học có khả năng rèn luyện tư duy lôgic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác lôgic trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học;
- CO3: Người học khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tái lập có hệ thống các kiến thức về đặc trưng, kết cấu lôgic của khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác lôgic trên khái niệm ; các loại phán đoán ; suy luận suy diễn và suy luận quy nạp ; các quy luật cơ bản của tư duy ; Các quy tắc trong chứng minh và bác bỏ ;
- CLO2: Rèn luyện được tư duy lôgic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác lôgic trong khái niệm, phán đoán, suy luận trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học ;
- CLO3: Khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện. Có niềm tin vào chân

lý. Đấu tranh chống lại những tư tưởng sai lầm trong nghiên cứu khoa học cũng như trong thực tiễn xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của Lôgíc học	2		0			10
Khái niệm	3		4			15
Phán đoán	3		6			15
Các quy luật cơ bản của tư duy	2		2			10
Suy luận	6		8			30
Chứng minh và bác bỏ	2		4			10
Tổng	**18**		**24**			**90**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric Chuyên cần	CLO1 CLO2	**30%**
	Thảo luận/thuyết trình theo nhóm	Rubric Thảo luận nhóm/thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
	Trắc nghiệm hoặc tự luận	Rubric trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân, Tự học,…	Rubric bài tập cá nhân, tự học,…		
II. Kiểm tra giữa kỳ				**20%**
2	Trắc nghiệm, tự luận	Rubric 3 Trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				**50%**
3	Tự luận	Rubric 3 Tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
	Thang điểm			**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD…).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Vương Tất Đạt (2000), *Lôgíc học đại cương,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Như Hải (2007), *Giáo trình Lôgíc học đại cương*, Nxb. Giáo dục.

2) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, (2007), *Giáo trình Lôgíc học* (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia.

6.11b. Tâm lý học trong quản lý kinh doanh/ Psychology in business management

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 181002
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. **Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quán lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Giải thích được bản chất, chức năng của tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC; Lý giải được được đặc điểm tâm lý của người bán hàng, của khách hàng và của người lãnh đạo trong hoạt động kinh doanh thương mại.
- CO2: Làm rõ được các nguyên tắc, phương tiện, phong cách… giao tiếp trong quản lý kinh doanh; Xác định được các quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học …
- CO3: Đánh giá được những những khía cạnh tâm lý của tiếp thị và xác định các cơ sở tâm lý học của quảng cáo
- CO4: Phối hợp được các đặc điểm tâm lý của các đối tượng khách hàng để đưa ra sách lược tiêu thụ hàng hóa phù hợp; Thích nghi với các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; Hình thành kĩ năng giao tiếp hiệu quả và xây dựng một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại dựa trên việc ứng dụng tâm lý người tiêu dùng.
- CO5: Thể hiện được nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Tâm lý học quản lý kinh doanh trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp; Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề; Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh.
- CLO2: Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng.
- CLO3: Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng…thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh

doanh nói riêng; Hình thành kĩ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh;

- CLO4: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh 1. Khái quát về TL. 2. Một số vấn đề chung về tâm lý học quản lý kinh doanh. 3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý của tâm lý học quản lý kinh doanh.	4	2				15
Chương 2: Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương 1. Đặc điểm tâm lý của khách hàng 2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng.	2	6				15
Chương 3: Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh 1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh. 2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.	4	4				18
Chương 4: **Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong QLKD** 1. Giao tiếp trong quản lý kinh doanh 2. Sử dụng con người trong quản lý kinh doanh	4	4		3		22
Chương 5: Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng 1. Tiếp thị và những khía cạnh tâm lý của tiếp thị 2. Quảng cáo và cơ sở tâm lý học của quảng cáo	4	2		3		20

5. Phương pháp dạy - học

- Các phương pháp dạy học sử dụng trong học phần: Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2 CLO3	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2 CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1, CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
5	Viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1, CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

Hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Hữu Thụ (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh,* NXB ĐHQG Hà Nội.

2) Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh,* NXB Thống kê.

6.12a. Địa lý kinh tế Việt Nam/ Economic geography of Vietnam

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL)
- Mã số học phần: 125225.
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT Việt Nam như: vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế ở Việt nam hiện nay; Đặc điểm phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức tổng quan về vai trò của từng nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế cũng như đặc trưng của vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm.

- CO2: Người học phân tích, đánh giá được vai trò và tầm quan trọng của các nguồn lực cụ thể ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế chung cũng như phát triển của từng ngành kinh tế ở Việt Nam. Phân tích và so sánh được đặc điểm phát triển kinh tế của 7 vùng kinh tế và 4 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Từ đó rút ra được xu hướng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

Người học có được kỹ năng phân tích các bảng số liệu, đánh giá, so sánh số liệu thống kê; vẽ các biểu đồ, sơ đồ; Kĩ năng viết báo cáo, viết bài luận; Kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, kĩ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO5: Người học được bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển kinh tế của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, ngành và vùng kinh tế.

- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung, các ngành và các vùng kinh tế nói riêng. Phân tích và đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế ở Việt Nam.

- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlat Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và kinh tế- xã hội của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Vị trí và tài nguyên thiên nhiên.	2	2				10
Nội dung 2: Các loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu.	2	3				10
Nội dung 3: Các vấn đề dân số Việt Nam.	2	2				10
Nội dung 4: Địa lí ngành CN	2	3				10
Nội dung 5: Địa lí ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp	2	3				10
Nội dung 6: Địa lí ngành dịch vụ	2	2				10
Nội dung 7: Địa lí các vùng kinh tế tự VN (phân chia theo điều kiện tự nhiên).	2	3				10
Nội dung 8: Địa lí các vùng kinh tế trọng điểm VN.	2	3				10
Nội dung 9: Việt Nam trong hệ thống phân công lao động khu vực và quốc tế.	2	3				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiêm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thông (Chủ biên) (2011)*, Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, NXB ĐHSP Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên) (2012), *Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam (hàng năm), NXB Thống kê.

6.12b. Lịch sử kinh tế quốc dân/ History of national Economy

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 151075
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác.
- CO2: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển KT của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; phân tích được những đặc điểm, mô hình và xu hướng phát triển KT của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể;.
- CLO2: Phân tích, đánh giá trình bày được nội dung phát triển kinh tế của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô, Trung Quốc và phương thức phát triển kinh tế Việt nam giai đoạn từ 1945 đến nay.

- CLO3: Hiểu những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các quốc gia. Từ đó, sinh viên đạt được những kiến thức về KT - XH, nâng cao trình độ lý luận về KT, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn

- CLO4: Nhận thức đúng đắn và toàn diện về lịch sử kinh tế. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Nhập môn và Kinh tế Mỹ	2	2				9
Nội dung 2: Kinh tế Nhật Bản	2	3				10,5
Nội dung 3: Kinh tế Liên Xô	2	2				9
Nội dung 4: Kinh tế Trung Quốc	2	3				10,5
Nội dung 5: Kinh tế các nước đang phát triển và ASEAN	2	3				10,5
Nội dung 6: Kinh tế Việt Nam thời kỳ trước năm 1945	2	2				9
Nội dung 7: KT VN thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	2	3				10,5
Nội dung 8: Kinh tế Việt Nam thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền (1955 - 1975)	2	3				10,5
Nội dung 9: KT Việt Nam từ 1976 đến nay	2	3				10,5
Tổng	**18**	**24**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

– Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

– Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

– Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

– Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

– Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), *Giáo trình Lịch sử KT*, NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), *Giáo trình lịch sử kinh tế,* NXB ĐH KTQD.

6.12c. Lịch sử các học thuyết kinh tế/ History of economic theories

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã số học phần: 196030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: LL Mác – LN
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó. Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường.

- CO2: Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ về sự ra đời, nội dung, giá trị của các Học thuyết kinh tế
- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường.
- CLO3: Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành . Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG MỞ DẦU: ĐỐI TƯỢNG VA PHƯƠNG PHAP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ CAC HỌC THUYẾT KINH TẾ	1	0				10
CHƯƠNG 1: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA KINH TẾ CHINH TRỊ TƯ SẢN CỔ DIỂN	3	4				10
CHƯƠNG 2: KINH TẾ CHÍNH TRỊ TIỂU TƯ SẢN	2	0				15
CHƯƠNG 3: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX	4	8				15
CHƯƠNG 4: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC- LÊNIN	4	4				10
CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN HIỆN ĐẠI	4	8				10
Tổng	**18**	**24**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thảo luận: 1 bài. Hình thức: vấn đáp	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: (**01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức: Thi viết	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Bình Trọng (2008), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Kinh tế chính trị (2000), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006),*Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.13. Toán cao cấp/ Advanced mathematics

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Mã học phần: 114025
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về tập hợp, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số.
- CO2: Người học có kỹ năng áp dụng được các kiến thức về toán cao cấp vào giải quyết các bài toán chuyên ngành

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.
- CLO2: Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính.
- CLO3: Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.
- CLO4: Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học.
- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tập hợp và logic	3		2			5
Ma trận và định thức	3		6			15
Hệ phương trình tuyến tính	2		4			10
Không gian vec tơ và ánh xạ tuyến tính	1		1			10
Hàm số và giới hạn	2		2			6
Đạo hàm và vi phân	1		1			10
Tích phân	1		2			9
Hàm nhiều biến	3		3			15
Phương trình vi phân	2		3			10
Tổng	**18**		**24**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), *Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*, NXB Giáo dục.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên), Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004), *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Sư phạm.

2) Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014*), Cơ sở Đại số tuyến tính*, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.

6.14. Xác suất và thống kê toán học/ Probability statistics

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 114005
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả tóm tắt học phần

Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học: mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, …)

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng được kiến thức về xác suất và thống kê vào giải quyết các vấn đề chuyên ngành.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...

- CLO2: Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vecto ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế

- CLO3: Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể.

- CLO4: Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế.

- CLO5: Vận dụng các kỹ năng sáng tạo và kỹ năng phản biện khoa học để tư vấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn chuyên ngành học; Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Xác suất	7		10			31
Đại lượng ngẫu nhiên	7		9			32
Tập hợp mẫu	4		4			20
2. Ước lượng	3		4			22
Kiểm định giả thiết	4		6			20

thống kê						
3. Tương quan hồi qui	2		3			10
Tổng	**27**		**36**			**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đào Hữu Hồ (2001), *Xác suất và Thống kê*, NXB Đại học Quốc gia HN.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2004), *Xác suất thống kê*, NXB GD.

2) Tống Đình Quỳ (2000), *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê,* NXB GD.

6.15. Công nghệ số/ Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

CO1: *Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.*

CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	5	0	0	0		15

3.5. Chuyển đổi số trong xã hội						
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	**Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số** - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	**Kỹ thuật trình chiếu** - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	**Thực hành bảng tính** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	**Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form, …)** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	

	- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	**Thi cuối kỳ**			
	- Hình thức: + *Phần lý thuyết:* thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + *Phần thực hành:* thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số,* NXB Thông tin và truyền thông.

6.16. Tiếng Anh 1/ English 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2(bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần,Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2.IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs 1.3.Verb "to be", Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C	10	3	3	4	2	52
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2.	11	3	3	5	1	52

(Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)						
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with "be going to", Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Wring, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nxb. Thanh Hoá.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Raymond Murphy (2013), *EnlishGrammar in use*. *Ngữ pháp tiếng Anh Thông dụng 130 bài tập thực hành*, Nxb. Thời đại.

2) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

6.17. Tiếng Anh 2/ English 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1(bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác.Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câuđã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắnvà trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết;phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần,Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3	7	2	2	3	1	33

Review 1/Subjunctive/Passive 1.3.Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to…) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses						
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to "Spotlight English News" and summarize the main content.	6	2	3	2	2	36

- Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6						

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2).

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Raymond Murphy (2013), *EnlishGrammar in use*. *Ngữ pháp tiếng Anh Thông dụng 130 bài tập thực hành*, Nxb. Thời đại.

2) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

6.18. Tiếng Anh 3/ English 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần,Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective descring people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2)	7	2	2	3	1	44

1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.						
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if… 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1)& Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1)& Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1)& 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1)& Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1)& Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	

II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2012), *English File–Pre-intermediate 3rd edition*, Oxford University Press.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press.

2) Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press.

6.V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần ***(****Mô tả tóm tắt nội dung học phần****)***

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu
- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II. (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6

Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khỏi động bổ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH)			2			6

- Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp trân chính diện						
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	**2**		**28**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tâng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	- Kỹ thuật tâng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2) Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐHSP.

Giáo dục thể chất 2/ Physical education

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần:191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1:Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về:ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụngcác kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6

Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.			2			6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14.Nội dung 14.Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng			2			6

thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).						
Nội dung 15Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			**30**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	**Phương pháp kiểm tra, đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**CĐR liên quan**	**Trọng số**
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển(Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	- Chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Uỷ ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền – Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

2) Đinh Văn Lẫm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thể cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, tháp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, tháp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5: - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến đông tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến			2			6

động tác 23						
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23 - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			**30**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, tháp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%

III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic,* TDTT HN.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lẫm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục,* TDTT HN.

2) Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II,* NXB TDTT

c. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế

chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. *Kiểm tra bài số 1*			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên,			2			6

Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. *Kiểm tra giữa kỳ*						
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. *Kiểm tra bài số 2*			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng sút cầu môn			2			6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. *Kiểm tra bài số 3*			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			**30**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm

động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng Đá*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.

2) Phạm Quang (2007), *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội

d. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần:191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, chiến thuật tấn công, chiến thuật phũng thủ, phương pháp giảng dạy); Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.
- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CO3: Có năng lực , kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.
- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.
- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện,kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.
- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụngcác kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ.			2			6

- Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học						
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập : - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: **(TH)** - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH)			2			6

- Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thỡ sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lũng bàn tay giữ búng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trỡnh dẫn búng - Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bó						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh			2			6

- Tổ chức thi đấu						
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			**30**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	

II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Uỷ ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

2) Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam – Việt võ đạo.

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần:191035
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật độngtác

cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm múc			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1-10)			2			6

Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 - 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 - 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 - 20)			2			6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 - 30)			2			6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 - 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 - 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 - 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 -45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 - 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6
Tổng			**30**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%

2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đấm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	**Kiểmtragiữakỳ (01)**			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), *Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ) - tập 1,* NXB TDTT.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinan – Việt võ đạo (VVN-VVĐ).*

2) Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thế Nhu khí công quyền 2,* NXB TDTT, HN.

6.V. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết

I. ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/*NATIONAL DEFENSE AND SECURITY POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM*

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp				**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**	**Thực hành**		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự	4	2				15

vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng						
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III	**Thi cuối kì**			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1*, Nxb Giáo dục.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH/*DEFENSE AND SECURITY*

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng**.**

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc**.**

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	**Thi cuối kì**			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1,* Nxb Giáo dục.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.*

2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb Giáo dục.

III. HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số TC: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ

chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.

- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.

- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	**Thi kết thúc học phần**			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2,* NXB giáo dục Việt Nam.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng (2005), *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1*, Quân sự chung, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2) Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam,* NXB Quân đội nhân dân.

IV. HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

- Số tín chỉ: 04 (Lý thuyết: 04, Thực hành: 56)
- Mã học phần: GDQP 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Năm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	**60**	**4**	**56**

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.

- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.

- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	**Thi kết thúc học phần**			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2,* NXB giáo dục Việt Nam.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1,* NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

6.19. Kinh tế vi mi mô/ Microeconomics

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 151050
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản để: quyết định đúng lựa chọn tiêu dùng; phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh

- CO2: Người học có những kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Mỗi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế..

- CO3: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh..

- CLO2: Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO3: Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với ngành nghề và thị trường.

- CLO4: Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Nền kinh tế và kinh tế học	2	2				9
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu	4	6				19.5
Co giãn cung cầu và chính sách của CP	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi NTD	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD	6	7				28.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm	6	9				31.5
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh	3	5				16.5
Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	2	2				9
Tổng cộng	**27**	**36**				**135**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhung (2017), *Giáo trình Kinh tế vi mô I,* NXB Tài Chính

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), *Giáo trình kinh tế học tập 1,* NXB ĐHKTQD.

2) Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô*, NXB ĐHKTQD.

6.20. Kinh tế vĩ mô/ Macroeconomics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL,BT)
- Mã học phần: 151061
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu rõ được bản chất cuả kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), từ đó có thể vận dụng đối chứng các chính sách trong từng giai đoạn nền kinh tế đang thực hiện.

- CO2: Người học phân biệt rõ tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), biết cách tính các chỉ tiêu kinh tế khác, từ đó vận dụng tính các chỉ tiêu đó trong thực tiễn Việt Nam.

- CO3: Người học hiểu được bản chất tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Từ đó vận dụng trong thực tiễn để đánh giá, phân tích được thực tiễn vấn đề kinh tế đang diễn ra.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Đặc biệt đánh giá được nền kinh tế thông qua tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế.

- CLO2: Sinh viên Tính toán các chỉ tiêu GDP,GNP trong một quốc gia từ đó có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm.

- CLO3: Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT giản đơn, nền kinh tế mở, nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ. Kỹ năng phân tích thực trạng biến động nền kinh tế và sự vận dụng chính sách tài khóa trong điều tiết nền kinh tế của Chính phủ.

- CLO4: Sinh viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW sử dụng trong bối cảnh từng thời kỳ nền kinh tế.

- CLO5: Sinh viên hiểu và giải thích được thương mại quốc tế từ giai đoạn cổ điển đến nay. Những lợi ích mà thương mại quốc tế mang lại cho các quốc gia; chế độ quy đổi giữa đồng nội tệ và ngoại tệ

- CLO6: Sinh viên có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp.

- CLO7: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1: Nhập môn kinh tế học vĩ mô	2	2				9
Chương 2: Mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô	2	2				9
Chương 3: Hạch toán tổng sản phẩm quốc dân	3	2	1			10.5
Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa	6	7	4			31.5
Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ	6	7	4			31.5
Chương 6: Tổng cầu và tổng cung	2	2				9
Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	4	3				31,5
Chương 8: Thất nghiệp và lạm phát	2	2				**9**
Tổng	**27**	**27**	**9**			**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trên máy tính	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo

luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Văn Dần, Đỗ Thị Thục (2018), *Giáo trình Kinh tế vĩ mô I*, NXB Tài Chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), *Giáo trình kinh tế học tập 2,* NXB ĐHKTQD.

6.21. Nguyên lý thống kê/ Statistical principles

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL :0TH)
- Mã học phần: 151016
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà người học cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận của thống kê, đồng thời giúp sinh viên biết vận dụng các phương pháp thống kê trong việc thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của những hiện tượng kinh tế xã hội số lớn để tìm hiểu bản chất, tính quy luật của các hiện tượng đó trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

- C02: Học xong học phần này người học có những kỹ năng cơ bản trong phân tích, phán đoán, giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, lựa chọn và phân tích, đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu. Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội. Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

- C03: Người học cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về thống kê học; các giai đoạn của một quá trình nghiên cứu thống kê; Phân biệt được các loại điều tra thống kê, điều kiện áp dụng của từng loại; cách thức phân tổ thống kê; công thức tính các mức

độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; và vận dụng các phương pháp phân tích số liệu thống kê vào thực tiễn.

CLO2: Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm. Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp; và phát triển kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế.

CLO3: Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội; Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

CLO4: Sinh viên cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về thống kê học	2	2				15
Chương 2: Phân tổ thống kê	3	2	2			20
Chương 3: Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội	6	2	6			30
Chương 4: Dãy số thời gian	6	2	6			30
Chương 5: Chỉ số trong thống kê	10	6	8			40
Tổng	**27**	**14**	**22**			**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I.Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài viết	Rubric bài thi viết	CLO1	30%
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO4	

II.Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2	20%
III.Thi cuối kì				
1	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO 1,2,3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,;

- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm bài tập lớn (nếu đủ điều kiện làm bài tập lớn).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Thị Kim Thu (2016), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Kim Thuý (2009), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ,* Nhà xuất bản Thống kê.

2) Trần Thị Kim Thu (2014), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

6.22. Nguyên lý kế toán/ Principles Accounting

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 27TL: 9TH*)
- Mã học phần: 153105
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán, vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp.

- CO2: Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.
- CLO2: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng.
- CLO3: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất
- CLO4: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng.
- CLO5: Người học có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị.
- CLO6: Người học có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị.
- CLO7: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						
	Lý thuyết	**Thảo luận, LV nhóm**	**Thực hành**	**Tự học, tự nghiên cứu**	**Tư vấn của giáo viên**	**KT – ĐG**	**Tổng giờ tín chỉ**
Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán	2	2		10			**4**
Phương pháp chứng từ kế toán	3	3	1	15		*	**7**
Phương pháp tài khoản kế toán	5	5	2	20			**12**
Phương pháp tính giá	3	4	1	15			**8**
Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán	4	3	1	25		**	**8**
Hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu	6	6	4	35			**16**
Sổ kế toán- Hình thức kế toán- Tổ chức công tác kế toán	4	4		15		*	**8**
Tổng	**27**	**27**	**9**	**135**			**63**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ	STT	Hình thức đánh giá
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Đoàn Xuân Tiên (2014), *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính.

2) Võ Văn Nhị (2018), *Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

6.23. Tài chính tiền tệ/ Monetary and Financial Theories

- Số tín chỉ: 03 (27, 36)
- Mã học phần: 152140
- Bộ môn quản lý học phần: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung

cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính…

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện chuyên sâu về tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, nguồn vốn trong kinh doanh, ngân hàng.

- CO2: Người học hình thành các kỹ năng như phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp.

- CO3: Người học nắm vững lý thuyết và vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nhận thức và nắm vững kiến thức cơ bản về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích được những lợi ích và hạn chế của các loại tiền trong lưu thôn, hiểu được các khâu tài chính cơ bản trong hệ thống tài chính.

- CLO3: Hiểu rõ nội dung các khoản thu NSNN, đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ đó vận dụng khai thác triệt để các khoản thu NSNN.

- CLO4: Có kỹ năng phân tích cơ bản những nội dung chủ yếu trên các báo cáo tài chính doanh nghiệp

- CLO5: Hiểu được nguyên lý hoạt động của ngân hàng thương mại, từ đó có thể phân loại được vốn huy động, tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ trong thực tế.

- CLO6: Vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về tài chính – tiền tệ	5	6				21
Chương 2: Ngân sách Nhà nước	3	4				15
Chương 3: Tài chính Doanh nghiệp	4	5				18
Chương 4: Thị trường tài chính	2	4				15

Chương 5: Các tổ chức tài chính trung gian	3	4				15
Chương 6: Lãi suất	3	4				15
Chương 7: Ngân hàng	4	5				18
Chương 8: Tài chính quốc tế	3	4				18
Tổng	**27**	**36**				**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO3	
			CLO5	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO6	
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1	
			CLO4	
			CLO6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,3,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Hữu Tài (2007), *Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ,* NXB ĐHKTQD.

2) Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạng (2014), *Giáo trình tài chính tiền tệ,* NXB Tài chính.

6.24. Marketing căn bản/ Principles of Marketing

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 27TL: 9TH*)
- Mã học phần: 154025
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing. Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọ thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản. Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọ thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về marketing, áp dụng các kiến thức này thực tiễn.
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược marketing mix 4P, từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing trong doanh nghiệp.

- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.

-CLO3: Người học có thể thực hiện các các kỹ năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp.

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

-CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Giới thiệu tổng quan về Marketing	3	3				15
Nội dung 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing	2	2		1		15
Nội dung 3: Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh tới hoạt động Marketing.	2	2				15
Nội dung 4: Phân đoạn thị trường, Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa	4	4		3		15
Nội dung 5 Chiến lược sản phẩm hàng hoá	4	4		2		15
Nội dung 6: Chu kỳ sống sản phẩm hàng hoá	2	2				15
Nội dung 7: Chiến lược giá cả	3	3				15
Nội dung 8: Chiến lược phân phối	3	3				15
Nội dung 9: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp	4	4		3		15
Tổng	**27**	**27**	**0**	**9***	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm trên giấy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	

Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quuy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Trần Minh Đạo (2022), *Giáo trình Marketing căn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Văn Hùng (2013), *Marketing căn bản*, Nxb KT TPHCM.

2) Philip Kotler (2006), *Marketing căn bản*, Nxb Thống kê.

6.25. Luật kinh tế/ Economic Law

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Mã học phần: 197010
- Bộ môn phụ trách: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về Luật kinh tế. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã…

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức pháp luật về lĩnh vực Luật kinh tế
- CO2: Người học có khả năng liên hệ với thực tiễn về các vấn đề của Luật kinh tế
- CO3: Người học có thể vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế của mình để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh, các hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường, luật cạnh tranh, luật phá sản.

- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Luật kinh tế;

- CLO3: Có tư duy logíc, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực Luật kinh tế;

- CLO4: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về Luật kinh tế	1	0				5
Chương 2: Thành lập doanh nghiệp. Tổ chức lại doanh nghiệp. Giải thể doanh nghiệp	1,5	1				10
Chương 3: Doanh nghiệp tư nhân. Hộ kinh doanh	1,5	1				10
Chương 4: Công ty	4,5	6				15
Chương 5: Doanh nghiệp nhà nước. Nhóm công ty	0,5	0				5
Chương 6: Luật hợp tác xã	2	1				10
Chương 7: Các hoạt động thương mại	3	5				15
Chương 8: Luật cạnh tranh	2	6				10
Chương 9: Luật phá sản	2	4				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	

Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Viết Tý (2018)*, Giáo trình Luật thương mại tập 1, tập 2,* NXB Công an nhân dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.26. Quản trị doanh nghiệp/ Enteprise management

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 30TL, 6TH)
- Mã học phần: 154121
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Học viên có thể phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp, các phương pháp ra quyết định và hoạch định trong doanh nghiệp vào thực tiễn.

- CO2: Học viên có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO3: Học viên có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh, cách thức thu thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp.

- CLO2: Biết được công việc của giám đốc doanh nghiệp, các tố chất cần có của giám đốc DN từ đó có thể xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng năng lực để trở thành giám đốc DN trong tương lai.

- CLO3: Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO4:Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp.

-CLO5: Thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát, Xây dựng mô hình kinh doanh

- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	4	7				24
Giám đốc doanh nghiệp	4	2		6		23
Thông tin và quyết định doanh nghiệp	5	6				22
Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp	4	7				24
Cơ cấu quản trị doanh nghiệp	2	1				11
Phương pháp điều hành trong quản trị doanh nghiệp	3	2				10
Quản trị kết quả kinh doanh và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp	5	5				21
Tổng	**27**	**30**		**6***		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kì				50%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp,* NXB Đại học kinh tế quốc dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019), *Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2) Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan, Trịnh Thị Thu Huyền (Đồng chủ biên) (2022) Cẩm nang "*Hỗ trợ DNNVV tỉnh Thanh Hoá phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid -19*"; NXB Thanh Hoá.

6.27. Quản trị tài chính doanh nghiệp 1/ Corporate Finance 1

- Số tín chỉ: 03 (27; 36)
- Mã học phần: 152007
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

1. Mô tả học phần

Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp
- CO2: Người học đưa ra được các giải pháp về quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp
- CO3: Người học tính toán được lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể
- CO4: Người học phân tích được các chính sách cổ tức của công ty cổ phần.
- CO5: Người học thành thạo trong việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- CLO2: Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể.
- CLO3: Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần
- CLO4: Có kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp
- CLO5: Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính
- CLO6: Có ý thức, trách nhiệm trong công việc

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp	2					15
Chương 2: Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp	7		12			30
Chương 3: Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	6		9			30
Chương 4: Chính sách cổ tức của	4	2				20

công ty cổ phần						
Chương 5: Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính	4		4			20
Chương 6: Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp	4		9			20
Tổng	**27**	**2**	**34**	**0**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2, CLO4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO3	
4	Câu hỏi trắc nghiệm	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,4	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), *Tài chính doanh nghiệp,* NXB Kinh tế quốc dân.

2) Bùi Văn Vần (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

6.28a. Lý thuyết mô hình toán kinh tế/ Theory of econometric model

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 151090
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

1. Mô tả học phần:

Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.Với những kiến thức trên, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chon tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững các kiến thức về: Phương pháp luận về mô hình toán kinh tế; Cấu trúc mô hình toán kinh tế; Phương pháp phân tích mô hình; Quá trình xây dựng và sử dụng mô hình tối ưu; các giải thiết và vấn đề liên quan đến mô hình tối ưu như sự lựa chọn của các tác nhân kinh tế, cấu trúc của mô hình tối ưu; Hành vi của doanh nghiệp và một số mô hình tương ứng; Hành vi của hộ gia đình và một số mô hình tương ứng; Các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; Bảng vào ra.
- CO2: Chuyển đổi được các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT); phân tích được các mô hình sản xuất (hành vi của doanh nghiệp) và tiêu dùng (hành vi của hộ gia đình); giải được bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình; xây dựng được bài toán đối ngẫu; tính toán các chỉ tiêu liên quan và xây dựng được bảng vào ra.
- CO3: Thông qua việc tìm hiểu lý thuyết, giúp sinh viên có kỹ năng tư duy, phân tích, phán đoán, giải quyết những vấn đề kinh tế trong thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, lựa chọn và phân tích, đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu.
- CO4: Sinh viên có kỹ năng xây dựng, phân tích các mô hình kinh tế nói chung và vận dụng kiến thức trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nhớ và hiểu được được thế là mô hình toán kinh tế; các phương pháp phân tích mô hình; quy trình xây dựng và sử dụng mô hình toán kinh tế; các nội dung về mô hình tối ưu, cấu trúc của mô hình tối ưu; mô hình phân tích hành vi sản xuất; mô hình phân tích hành vi của hộ gia đình; cấu trúc bài toán QHTT và các dạng bài toán QHTT; cách thức chuyển đổi các dạng bài toán QHTT; phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT; bài toán đối ngẫu; bảng vào ra: Khái niệm, phân loại.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức để chuyển đổi các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; giải các bài toán đơn hình; tính toán các chỉ tiêu của bảng vào ra dạng hiện vật và dạng giá trị.

- CLO3: Phân tích được các yếu tố tác động đến biến nội sinh trong mô hình; Xây dựng được mô hình của một số tình huống kinh tế (bài toán vận tải, lập kế hoạch sản xuất); xây dựng được bảng vào ra của một nền kinh tế đơn giản.

- CLO4: Có khả năng phân tích và đánh giá một cách độc lập, cẩn thận; có phương pháp làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, trung thực và chính xác. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học. Có ý thức học tập và nghiên cứu các nội dụng của học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giới thiệu chung về mô hình toán kinh tế	2		2			9
Giới thiệu chung về mô hình toán kinh tế (tiếp)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính	2		2			9
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		2			9
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		2			9
Bảng vào - ra (I/O)	2		2			9
Bảng vào - ra (I/O) (tiếp theo)	2		2			9
Bảng vào - ra (I/O) (tiếp theo)	2		3			9
Ôn tập	1		3			9
Tổng cộng	**27**		**36**			**135**

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Làm bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1	30%
3	Viết	Rubric bài thi viết	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%

1	Trắc nghiệm/viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu hoặc Rubrics bài thi viết	CLO1,2,3	30%
Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Rubrics bài thi trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi/hoặc làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần (nếu đủ điều kiện làm bài tập lớn)
- Sinh viên phải có đầy đủ tài liệu ít nhất là tài liệu bắt buộc.

8. Giáo trình tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Hoàng Đình Tuấn (2015), *Lý thuyết mô hình toán kinh tế,* NXB ĐHKTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn (2006), *Mô hình toán kinh tế*, Nxb Thống kê.

2) Hoàng Đình Tuấn (2007), *Mô hình toán kinh tế*, Nxb ĐHKTQD.

6.28b. Kinh tế lượng/ Econometric

- Số tín chỉ: 03 (27LT : 30 TL,BT : 6TH)
- Mã học phần: 151003
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần:

Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình Đại học Kinh tế, QTKD, Kế toán, Kiểm toán, TCNH. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy (bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn) và cách khắc phục các khuyết tật đó.

2. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu của học phần là giúp người học:

- C01: nắm vững các kiến thức về kinh tế lượng là gì? Phương pháp luận, đặc biệt là các bước phân tích kinh tế lượng; Nắm rõ các thành phần và ý nghĩa của các thành phần đó trong mô hình (hàm) hồi quy; Biết cách ước lượng, kiểm định các hệ số hồi quy, phương sai và kiểm định ý nghĩa của mô hình (hàm) hồi quy; Nắm vững cách thức lượng hóa các biến định tính bằng kỹ thuật biến giả, đồng thời biết cách phân

tích, so sánh giữa các thuộc tính của một hay nhiều biến định tính trong các trường hợp cụ thể; Nắm vững bản chất, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và khắc phục của các khuyết tật dẫn đến các ước lượng không hiệu quả như: Đa cộng tuyến; Phương sai sai số thay đổi; Tự tương quan; Dạng hàm sai và Biến ngẫu nhiên không phân bố chuẩn.

- C02: Xây dựng được mô hình kinh tế lượng dựa trên các kỹ năng về kiến thức; Thu thập, xử lý, phân tích được số liệu về vấn đề nghiên cứu; Sử dụng các phần mềm Eview một cách cơ bản; Kiểm định các thuộc tính của mô hình sau khi được xây dựng; Dự báo được các hiện tượng kinh tế; phát hiện những khuyết tật, khắc phục và đưa ra mô hình tốt để có những phân tích phù hợp với thực tiễn về kinh tế, từ đó đưa ra các chính sách phù hợp.

- C03: nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ tích cực và chủ động trong học tập và ứng dụng bao gồm cả sự chủ động nắm bắt, phát hiện vấn đề, thu thập dữ liệu nghiên cứu; Có hứng thú nghiên cứu, phân tích và dự báo các vấn đề kinh tế -xã hội.

- C04: có khả năng thực hiện một phân tích kinh tế lượng cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nắm vững các kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế lượng, bản chất của hồi quy, ước lượng, kiểm định giả thiết trong các mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; hiểu về biến giả và cách phân tích hồi quy với mô hình có biến giả, cũng như bản chất, cách phát hiện và khắc phục các khuyết tật trong mô hình.

CLO2**:** Người học có thể vận dụng thành thạo các kiến thức về kinh tế lượng để xây dựng hàm/mô hình hồi quy cho các vấn đề kinh tế; thực hiện ước lượng và kiểm định các hệ số trong mô hình hồi quy; Dự báo được các hiện tượng kinh tế; Phát hiện và khắc phục được khuyết tật đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy.

CLO3: Vận dụng các kỹ năng về xây dựng hàm/mô hình, kỹ năng sử dụng các công cụ kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm kinh tế lượng vào giải quyết nhiệm vụ lượng hóa một vấn đề kinh tế.

CLO4: Người học chủ động và có hứng thú trong việc thực hiện một phân tích kinh tế lượng cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Bổ túc về xác suất thống kê	2					8,5
Các khái niệm cơ bản	2	1				10,5
Ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hồi quy đơn	6		8			32
Hồi quy bội	5		6	3		21
Hồi quy với biến giả	2		3			10,5
Đa cộng tuyến	3		3			16
Phương sai của sai số thay đổi	3		3			15,5

Tự tương quan	2		3			10,5
Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình	2		3	3		10,5
Tổng	**27**	**1**	**29**	**6**		**135**

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
2	Trắc nghiệm	Rubic bài thi trắc nghiệm	CLO1,2,3	30%
3	Viết	Rubric bài thi viết	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết/trắc nghiệm	Rubric bài thi viết/trắc nghiệm	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên phải có đầy đủ tài liệu ít nhất là tài liệu bắt buộc

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012) *Giáo trình Kinh tế lượng,* NXB KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Cao Văn (2018), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nxb ĐHKTQD.

2) Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhung (2017), *Giáo trình kinh tế vi mô I*, NXB Tài chính.

6.29. Kế toán tài chính 1/ Financial Accounting 1

- Số tín chỉ: 04 (36; 36; 12)
- Mã học phần: 153085
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao: Khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận. Các nội dung về tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN; Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ và các khoản đầu tư tài dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Người học có kiến thức cơ bản về Luật kế toán (Luật kế toán năm 2015), hệ thống chuẩn mực kế toán (chuẩn mực 01, 02, 03, 04…)

CO2: Người học có thể thực hành ghi sổ kế toán, người học có kiến thức cơ bản về chuyên ngành đọc, ghi chép, lập các báo cáo kế toán và phân tích các thông tin tài chính ở đơn vị kế toán.

CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Có kiến thức cơ bản về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, nguyên tắc hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

CLO2: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Hiểu được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hiểu nguyên tắc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

CLO3: Vận dụng được và ghi chép được các nguyên tắc hạch toán kế toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

CLO4: Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kế toán doanh nghiệp

CLO5: Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

CLO6: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học

4. Nội dung học phần

Nội dung	***Hình thức tổ chức dạy học***					***Tự học***
	Giờ lên lớp				***Khác***	
	Lý thuyết	***Thảo luận***	***Bài tập***	***Thực hành***		
Nội dung 1: *Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp* ***(3, 1, 0)***	*3*	*1*	*0*	*0*		*36*
Nội dung 2: *Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước* ***(6, 1, 5)***	*6*	*1*	*3*	*2*		*36*
Nội dung 3: *Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ* ***(10, 2, 13)***	*10*	*2*	*11*	*2*		*36*
Nội dung 4. *Kế toán tài sản cố định* ***(12, 2, 12)***	*12*	*2*	*8*	*4*		*36*
Nội dung 5: *Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương* ***(5, 1, 11)***	*5*	*1*	*7*	*4*		*36*
Tổng	***36***	***7***	***29***	***12***		***180***

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao.

- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Phương (2022), *Kế toán tài chính (Quyển 1),* NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), *Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính,* Nxb Tài chính.

2) Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính*, NXB Lao Động.

6.30. Kế toán quản trị 1/ Management Accounting 1

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153084
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 2.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí và tính được giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp theo nhiều phương pháp khác nhau, nắm được các khái niệm về mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ giữa CP-KL-LN, ứng dụng điểm hòa vốn trong việc ra quyết định kinh doanh trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị...
- CO2: Thực hiện phân tích, đánh giá và cung cấp tư vấn cần thiết cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- CO3: Lập được và phân tích được báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ CP- KL-LN; Lựa chọn các quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán quản trị để giải quyết các tình huống thực tế trong khi lựa chọn các phương án của các nhà quản trị.
- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý, dẫn dắt trong tổ chức và lựa chọn phương án kinh doanh hữu hiệu.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững Khái niệm và mục đích của kế toán quản trị, nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp. Xác định được đối tượng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phương pháp của kế toán quản trị.
- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán quản trị

vào việc cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà quản trị trong quá trình ra các quyết định kinh doanh.

- CLO3: Người học nắm được các loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Tập hợp được chi phí và tính giá thành sản phẩm; lập báo cáo sản xuất. Nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo dạng lãi trên biến phí, trình tự ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp.

- CLO4: Vận dụng được các phương pháp của kế toán quản trị để giúp các nhà quản trị đưa ra các phương án kinh doanh tối ưu bằng những tình huống trong thực tiễn.

- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Tuần 1. Chương 1. Khái quát về Kế toán quản trị doanh nghiệp	3		1			15
Tuần 2. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3	2	3			15
Tuần 3. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		3			
Tuần 4. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	1		3			15
Tuần 5. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		3			
Tuần 6. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	2		2			10
Tuần 7. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	3		3			15
Tuần 8. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	2	2	3			10
Tuần 9. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	1		1			15
Tuần 10. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2		3			15
Tuần 11. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2		3			10
Tuần 12. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2	2	2			15
Tổng cộng	**27**	**6**	**30**			**135**

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2021), *Kế toán quản trị,* Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Đặng Lan Anh, Phạm Thị Bích Thu, Lã Thị Thu, Trần Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Thanh (2019), *Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí,* Nxb Tài chính

2) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), *Kế toán quản trị chi phí,* NXB Tài chính.

6.31. Kế toán tài chính 2/ Financial Accounting 2

- Số tín chỉ: 04 (36; 36; 12)
- Mã học phần: 153091
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1.

1. Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về: Kế toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm - tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán các khoản đầu tư, kế toán nguồn vốn và lập báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; thuyết minh báo cáo tài chính); báo cáo tài chính tổng hợp; báo cáo tài chính giữa

niên độ. Kết thúc học phần, người học có khả năng phân loại, tập hợp các chi phí liên quan đến công tác tính giá thành sản phẩm, trang bị cho người học các phương pháp tính giá thành sản phẩm và việc vận dụng phương pháp tính giá thành giản đơn; hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nhập - xuất kho thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm; kế toán tăng giảm các khoản đầu tư, tăng - giảm nguồn vốn, kế toán dự phòng và lập các báo cáo tài chính theo quy định.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao: Khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận. Các nội dung về tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN; Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ và các khoản đầu tư tài dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Người học có kiến thức cơ bản về Luật kế toán (Luật kế toán năm 2015), hệ thống chuẩn mực kế toán (chuẩn mực 01, 02, 03, 04…)

CO2: Người học có thể thực hành ghi sổ kế toán, người học có kiến thức cơ bản về chuyên ngành đọc, ghi chép, lập các báo cáo kế toán và phân tích các thông tin tài chính ở đơn vị kế toán.

CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao về nguyên tắc, khái niệm kế toán, các phương pháp tính giá thành phẩm; các nghiệp vụ kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng và lập các báo cáo tài chính.

CLO2: Người học có kiến thức cơ bản để ghi chép, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán để tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng và lập các báo cáo tài chính.

CLO3: Người học có kiến thức chuyên môn để đọc hiểu và lập báo cáo tài chính

CLO4: Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng và lập các báo cáo tài chính.

CLO5: Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

CLO6: Tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học. Chủ động trong lập kế hoạch học tập và độc lập nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học							Tổng
	Lý thuyết	Xêmina	Thực hành	Thảo luận, bài tập	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của GV	KT-ĐG	
Chương 1: Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 1.1 Chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm 1.2 Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm 1.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	7	-	3	8	36	-		18
Chương 2: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 2.1. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 2.2. Kế toán thành phẩm, hàng hóa 2.3. Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa 2.4. Kế toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu 2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 2.6. Kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính 2.7. Kế toán chi phí khác và thu nhập khác 2.8. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh	8	-	3	8	36	-		19

Chương 3: Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu 3.1 Kế toán các khoản nợ phải trả 3.2 Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu	8	-	2	8	36	-		18
Chương 4: Kế toán các khoản đầu tư 4.1. Các khoản đầu tư 4.2. Kế toán các khoản đầu tư	6	-	2	6	36	-		14
Chương 5: Báo cáo tài chính 5.1. Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính 5.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp 5.3. Bảng cân đối kế toán 5.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.6. Thuyết minh báo cáo tài chính	7	-	2	6	36	-		17
Tổng	36		36	12	180			84

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp, lên bảng	Rubric 2	CLO 1,2,3,6	
3	Viết	Rubric 3	CLO 1,2,3,4,5,6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết	Rubric 3	CLO 1,2,3,4,5,6	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 3	CLO 1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao.

- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Ngô Thế Chi, Trương Thị Thuỷ (2013), *Giáo trình Kế toán tài chính,* Nxb Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, Nxb Tài chính.

2) Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính*, NXB Lao Động.

6.32. Kiểm toán căn bản/ Principles of Audit

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2.

1. Mô tả học phần:

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về kiểm toán, bao gồm: Bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: báo cáo kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời, học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về kiểm toán, những kiến thức pháp luật cơ bản liên quan đến kế toán, kiểm toán từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được kỹ năng tổ chức, thực hành triển khai các hoạt động kiểm toán trong đơn vị; kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật kiểm toán trong quá trình triển khai hoạt động kiểm toán; kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán- kiểm toán.
- CO3: Người học có thể hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một cử nhân kinh tế có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, năng động, trung thực, khách quan, tự chủ, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác phù hợp với nhu cầu cá nhân hoặc công việc; có khả năng tự học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Có thể khái quát được bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: báo cáo kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.
- CLO2: Có thể mô tả được các giai đoạn của quy trình kiểm toán cũng như công việc của kiểm toán viên phải thực hiện ở từng giai đoạn của quy trình; có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày các nội dung liên quan đến kiểm toán.
- CLO3: Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm toán; có khả năng giao tiếp để để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm toán.
- CLO4: Mô tả công tác kiểm toán trong các tổ chức ở mức độ cơ bản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của Kiểm toán	3	0	0	0	0	12
Chương 2: Các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán	2	1	0	0	0	12
Chương 3: Báo cáo kiểm toán	3	2	0	1	0	12
Chương 4: Gian lận và sai sót - Trọng yếu và rủi ro	4	6	0	2	0	25
Chương 5: Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán	4	5	0	2	0	25
Chương 6: Hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát	4	6	0	2	0	25
Chương 7: Phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu trong công tác kiểm toán	4	5	0	1	0	12
Chương 8: Tổ chức và quản lý kiểm toán	3	2	0	1	0	12
Tổng	27	27	0	09	0	135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,4	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 2,3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubric BTL Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2009), *Giáo trình Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Quang Quynh; Nguyễn Thị Phương Hoa (2018), *Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán*, NXB ĐHKTQD.

2) Thịnh Văn Vinh, Vũ Thùy Linh (2016), *Hệ thống câu hỏi và nội dung ôn tập kiểm toán căn bản*, NXB Tài chính.

6.33. Kiểm toán tài chính 1/ Financial Audit 1

- Số tín chỉ: 02 (18; 24)
- Mã học phần: 153024
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản.

1. Mô tả học phần:

Học phần Kiểm toán tài chính 1 cung cấp cho người học các kiến thức về đối tượng, phương pháp, nội dung kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị, bao gồm : chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, chu kỳ tiền lương nhân sự.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp, nội dung kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị, bao gồm : chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, chu kỳ tiền lương nhân sự. Từ đó hình thành kỹ năng tổ chức, thực hiện kiểm toán tài chính các chu trình nêu trên.

- CO2: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp

- CO3: Người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ tích cực và chủ động trong học tập và ứng dụng bao gồm cả sự chủ động nắm bắt, phát hiện vấn đề, thu thập dữ liệu nghiên cứu; Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích cho nhân dân; Có phong thái làm việc khoa học, chính xác và khách quan; Có thái độ tôn trọng, tuân thủ các quy định nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, nội dung của kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị.

CLO2: Người học nắm vững những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp

CLO3: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính	3	4	0	0	0	7
Chương 2: Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền	4	5	0	0	0	9
Chương 3: Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán	4	4	0	1	0	9
Chương 4: Kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn	4	3	0	2	0	9
Chương 5: Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự	3	3	0	2	0	8
Tổng	18	19	0	5	0	42

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 1,2,3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubric BTL Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính,* NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2013*), Bài tập kiểm toán tài chính*, NXB ĐH KTQD.

2) Đậu Ngọc Châu, Ngô Viết Lợi (2009), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB tài chính.

6.34. Kiểm toán nội bộ/ Internal Audit

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 153067
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản.

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức chung về kiểm toán nội bộ như: Khái niệm, đối tượng, vai trò, mục đích, nội dung, phạm vi, phương pháp, quy trình và ý nghĩa của kiểm toán nội bộ. Quy trình, phương pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ cũng như những vấn đề chung về kiểm toán viên nội bộ. Đồng thời, học phần còn cung cấp các nội dung kiểm toán cơ bản do kiểm toán nội bộ thực hiện bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học đạt được các mục tiêu cơ bản về kiến thức KTNB như hiểu được các kiến thức nội hàm về KTNB, nội dung tổ chức KTNB trong doanh nghiệp và nắm được nội dung kiểm toán cụ thể cũng như các bước tổ chức và thực hiện các loại hình kiểm toán đó trong đơn vị.

CO2: Người học đạt được các mục tiêu về kỹ năng cần có của KTNB như kỹ năng tổ chức, kỹ năng thực hành triển khai hoạt động kiểm toán, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học.

CO3: Người đọc đạt được các mục tiêu về thái độ như nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học, tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, và thái độ ứng xử với thầy cô, bạn bè chuẩn mực.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ để tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán; có khả năng lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm. Có khả năng xác nhận, đánh giá và tư vấn nhằm cải thiện hoạt động và gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, tổ chức trên các khía cạnh quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp.

CLO2: Có khả năng làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu của hoạt động kiểm toán nội bộ.

CLO3: Người học tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng;

CLO4: Người học có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng;

CLO5: Người học có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và học tập để nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái quát chung về kiểm toán nội bộ (2,2,6) 1.1 . Khái niệm và mục đích của kiểm toán nội bộ 1.2. Đối tượng, chức năng, phạm vi của kiểm toán nội bộ 1.3. Chủ thể và khách thể của kiểm toán nội bộ 1.4. Nội dung của kiểm toán nội bộ 1.5. Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ 1.6. Các hình thức của kiểm toán nội bộ 1.7. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ 1.8. Vai trò của kiểm toán nội bộ đối với nhà quản lý 1.9. Lịch sử ra đời và phát triển của kiểm toán nội bộ	2	2	0	0		6
Chương 2: Quy trình, phương pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ (4,2,3,9,12) 2.1 Quy trình kiểm toán nội bộ 2.2 Phương pháp kiểm toán nội bộ 2.3 Chuẩn mực của kiểm toán nội bộ	4	2	3	9		12
Chương 3: Kiểm toán hoạt động (5,4,7,16,19) 3.1 Khái quát chung về kiểm toán hoạt động 3.2 Quy trình kiểm toán hoạt động 3.3 Phương pháp kiểm toán hoạt động	5	4	7	16		19
Chương 4: Kiểm toán tuân thủ (3,1,4,8,12) 4.1 Khái quát chung về kiểm toán tuân thủ 4.2 Quy trình kiểm toán tuân thủ	3	1	4	8		12

Chương 5: Kiểm toán báo cáo tài chính (2,2,0,4,9) 5.1 Khái quát chung về kiểm toán BCTC 5.2 Quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC 5.3 Kiểm toán các bộ phận cấu thành chủ yếu BCTC	2	2	0	4		9
Chương 6: Kiểm toán viên nội bộ(2,1,0,3,6) 6.1 Kiểm toán viên nội bộ và tiêu chuẩn Kiểm toán viên nội bộ 6.2 Những yêu cầu cơ bản của Kiểm toán viên nội bộ 6.3 Tuyển dụng Kiểm toán viên nội bộ 6.4 Quyền hạn và trách nhiệm Kiểm toán viên nội bộ 6.5 Mối quan hệ Kiểm toán viên nội bộ	2	1	0	3		6

5. Phương pháp dạy học

Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO5	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, thành phần và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Thịnh Văn Vinh và Phạm Tiến Hưng (2012), *Giáo trình Kiểm toán nội bộ*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Phan Trung Kiên (2015), *Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TPHCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán (2014), *Kiểm toán*, Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

6.35. Kiểm toán tài chính 2/ Financial Audit 2

- Số tín chỉ: 02 (18; 24)
- Mã học phần: 153018
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán tài chính 1.

1. Mô tả học phần

Học phần Kiểm toán tài chính 2 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học kiểm toán báo cáo tài chính. Mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị từ chu kỳ hàng tồn kho, chi phí và giá thành, chu kỳ tiền, các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác chu kỳ vốn vay và các chu kỳ kiểm toán khác.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về: Khái niệm kiểm toán báo cáo tài chính, mục tiêu cơ bản cũng như mục tiêu cụ thể của hoạt động kiểm toán; các nguyên tắc cơ bản và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; các bước công việc của từng chu kỳ trong doanh nghiệp để có từ đó áp dụng các nghiệp vụ khảo sát và thực hiện các thử nghiệm cơ bản; mối quan hệ của từng chu kỳ nghiệp vụ đối với toàn bộ các khoản mục trên báo cáo tài chính; đưa ra được các kiến nghị điều chỉnh thích hợp đối với các nhà quản lý của doanh nghiệp để có thể giúp doanh nghiệp cung cấp một báo cáo tài chính trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.
- CO2: Người học được rèn luyện và hình thành những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- CO3: Người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ tích cực và chủ động trong học tập và ứng dụng bao gồm cả sự chủ động nắm bắt, phát hiện vấn đề, thu thập dữ liệu nghiên cứu; Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích cho nhân dân; Có phong thái làm việc khoa học, chính xác và khách quan; Có thái độ tôn trọng, tuân thủ các quy định nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, nội dung của kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị.

CLO2: Người học nắm vững những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên

quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp

CLO3: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí	4	5	0	1	0	20
Chương 2: Kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền	4	5	0	1	0	25
Chương 3: Kiểm toán vốn vay và vốn chủ sở hữu	5	5	0	1	0	25
Chương 4: Kiểm toán các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác	5	5	0	1	0	20
Tổng	18	20	0	4	0	90

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 1,2,3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubric BTL Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các

bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính,* NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2013*), Bài tập kiểm toán tài chính*, NXB ĐH KTQD.

2) Đậu Ngọc Châu, Ngô Viết Lợi (2009), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB tài chính.

6.36. Thực hành nghề nghiệp kiểm toán

- Số tín chỉ: 2 (0, 60; 90)
- Mã học phần: 153066
- Bộ môn quản lý học phần: Kiểm toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán tài chính 2

1. Mô tả học phần:

Thực hành nghề nghiệp kiểm toán là học phần giúp cho sinh viên tiếp cận môi trường thực tế kiểm toán tại các đơn vị, qua đó có điều kiện vận dụng giữa lý thuyết kiểm toán với thực tiễn công tác kiểm toán tại đơn vị bao gồm các nội dung như tổ chức công tác kiểm toán, kiểm toán các chu trình, từ đó phát triển và hình thành kỹ năng nghề nghiệp kiểm toán cho người học.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức thực tiễn về về tổ chức công tác kiểm toán, kiểm toán các chu trình nghiệp vụ trong đơn vị.

CO2: Người học được thực hành thực tế lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tại các đơn vị.

CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, có kỹ năng giao tiếp, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Có kiến thức thực tiễn về công tác kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức ghi sổ các phần hành kiểm toán tại đơn vị cũng như việc lập báo cáo tài chính.

CLO2: Người học vận dụng các kiến thức đã học về kiểm toán để thực hiện lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tại các đơn vị.

CLO3: Người học có kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kiểm toán.

CLO4: Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực tế tại đơn vị, có khả năng nghiên cứu môn học độc lập

CLO5: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch thực hành, thực tế

4. Nội dung học phần

Phần I: Tổng quan chung về đơn vị

1.1. Qúa trình hình thành và phát triển của đơn vị

1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kiểm toán tại đơn vị

Phần II: Các phần hành kiểm toán tại đơn vị

1.1. Thực hành kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền

1.2. Thực hành kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán

1.3. Thực hành kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1.4. Thực hành kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự

1.5. Thực hành kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí

1.6. Thực hành kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền

1.7. Thực hành kiểm toán vốn vay và vốn chủ sở hữu

1.8. Thực hành kiểm toán các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Phần 1- Kết quả đơn vị thực tập			
	Kết quả đánh giá quá trình thực tập của người học do đơn vị thực hành đánh giá	Phiếu đánh giá	CLO4,CLO5	20%
II	Phần 2- Báo cáo thu hoạch			
	Chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4, CLO 5	80%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao.

- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

Nguyễn Quang Quynh; Ngô Trí Tuệ (2012); Giáo trình Kiểm toán tài chính, NXB ĐH KTQD.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Sách tham khảo Hệ thống các Quy định Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Hội nhập với các nguyên tắc kế toán và kiểm toán quốc tế. NXB chính trị quốc gia, 2009.

2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TPHCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán (2014), Kiểm toán, Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

6.37a. Kế toán hành chính sự nghiệp/ Administrative accounting

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153047
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN. Người học có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị HCSN; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính tại các đơn vị HCSN.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được đối tượng, nhiệm vụ yêu cầu của kế toán ngân sách HCSN, tổ chức công tác kế toán HCSN; Vị trí vai trò của kế toán HCSN trong hệ thống kế toán công.
- CO2: Thực hiện được các thao tác vận hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN.
- CO3: Lập được và phân tích được báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán của đơn vị HCSN.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán để giải quyết các tình huống thực tế trong tổ chức kế toán trong các đơn vị HCSN.
- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; Có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành kế toán trong các đơn vị HCSN.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của kế toán trong các đơn vị HCSN; Nắm vững nội dung, phương pháp kế toán, trình tự hạch các phần hành kế toán trong các đơn vị HCSN.
- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán vào tổ chức kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN.
- CLO3: Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính, BC quyết toán trong các đơn vị HCSN.
- CLO4: Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách trong các đơn vị HCSN.
- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc

theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; Có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						
	Lý thuyết	**Thảo luận, LV nhóm**	**Thực hành**	**Tự học, tự nghiên cứu**	**Tư vấn của giáo viên**	**KT – ĐG**	**Tổng giờ tín chỉ**
Tổng quan về hệ thống kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp	2	2		10			**4**
Kế toán vốn bằng tiền trong các đơn vị HCSN	2	2	1	10			**5**
Kế toán nguồn kinh phí, nguồn vốn và các quỹ	2	2	1	10			**5**
Kế toán hàng tồn kho, trong các đơn vị HCSN	3	2	1	10			**6**
Kế toán TSCĐ trong các đơn vị HCSN	2	2	1	10		**	**5**
Kế toán đầu tư XDCB trong các đơn vị HCSN	2	2		10			**4**
Kế toán các khoản phải thu trong đơn vị HCSN	2	2	1	10			**5**
Kế toán khoản phải trả trong các đơn vị HCSN	2	2	1	10			**5**
Kế toán các khoản doanh thu trong đơn vị HCSN	2	2		10		*	**4**

Kế toán các khoản chi phí trong đơn vị HCSN	2	2		10			**4**
Kế toán xác định kết quả trong đơn vị HCSN	2	2	1	11			**5**
Hệ thống Báo cáo tài chính trong đơn vị HCSN	2	3	1	12			**6**
Hệ thống Báo cáo quyết toán trong đơn vị HCSN	2	2	1	12			**5**
Tổng	**27**	**27**	**9**	**135**			**63**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I . Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5,6	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên

cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Võ Văn Nhị và cộng sự (2018), *Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính*, NXB Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Phạm Văn Liên (2009), *Kế toán hành chính sự nghiệp,* NXB Tài chính.

2) Bộ tài chính (2017), *Chế độ kế toán HCSN ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính*, NXB Tài chính.

6.37b. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước/ State budget and treasury operations accounting

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36 BT)
- Mã học phần: 155005
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Môn học sẽ giới thiệu về hệ thống ngân sách nhà nước, nguyên tắc hạch toán kế toán và các hoạt động nghiệp vụ của kho bạc nhà nước như kế toán vốn bằng tiền

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách nhằm vận dụng vào thực tiễn quản lý tổng thể các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước các cấp và quản lý quá trình hình thành, sử dụng các nguồn kinh phí của các đơn vị hành chính sự nghiệp

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách nhằm vận dụng vào thực tiễn quản lý tổng thể các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước các cấp và quản lý quá trình hình thành, sử dụng các nguồn kinh phí của các đơn vị hành chính sự nghiệp

- CO2: Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế ttoán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; kế toán NSNN, Kế toán vay nợ, nhận viện trợ của nhà nước qua KBNN; Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN và thực hành lập được báo cáo tài chính.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và diễn giải được các vấn đề cơ bản về kế toán ngân sách và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

- CLO2: Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt

- CLO3: Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán ngân sách nhà nước

- CLO4: Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán vay nợ, nhận viện trợ của nhà nước qua KBNN; tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN

- CLO5: Thực hành lập được báo cáo tài chính

- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						
	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	Tổng giờ tín chỉ
Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước, kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước	2	3		15			5
Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt	5	8		20			13
Kế toán ngân sách nhà nước	8	10		30			18
Kế toán vay nợ, nhận viện trợ của nhà nước qua KBNN	4	6		20			10
Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN	4	5		30			9
Báo cáo tài chính	4	4		20			8
Tổng	**27**	**36**	**0**	**135**			**63**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

Phạm Văn Liên, Phạm Văn Đăng và cộng sự, 2012, *Giáo trình kế toán Ngân sách Nhà nước và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước,* NXB Tài chính.

8.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Tài chính, 2021, *Hướng dẫn chế độ kế toán kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước,* NXB Tài chính.

6.38a. Kế toán thuế/ Taxes Accounting

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153048
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Kế toán thuế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế trong doanh nghiệp như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Hướng dẫn phương pháp tính các loại thuế, phục vụ cho việc hạch toán các loại thuế cũng như quyết toán và kê khai thuế.

Năng lực đạt được: Giúp cho người học người học có khả năng tính toán các khoản thuế trên, hạch toán được các khoản thuế, lên được bảng kê và quyết toán các loại thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, xuất nhập khẩu và các loại thuế khác trong đơn vị, cũng như nắm được phương pháp cơ cấu quản lý thuế, quy trình miễn giảm hoàn thuế trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học có thể thực hiện được cách hạch toán kế toán các loại thuế từ thuế GTGT, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu và kê khai thuế trên hệ thống kê khai của Tổng cục thuế
- CO2: Thực hiện tập hợp, phân loại chứng từ liên quan; hiểu cách làm báo cáo thuế; lập các bảng biểu thuế; lên báo cáo thuế hoàn chỉnh.
- CO3: Lập được được báo cáo thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN, thuế TNCN.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán để giải quyết các tình huống thực tế trong kế toán thuế.

- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành kế toán thuế tại doanh nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững kiến thức lý thuyết về kế toán thuế; có khả năng phân loại thuế; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế TNDN, các loại thuế khác.

- CLO2: Người học có khả năng vận dụng hạch toán thuế GTGT, vận dụng kê khai thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế TNDN, các loại thuế khác.

- CLO3: Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày tờ khai thuế XNK, thuế TNDN, tờ khai các loại thuế Thu nhập cá nhân; Thuế tài nguyên; Thuế nhà đất; Thuế môn bài; Thuế, phí, lệ phí trước bạ, báo cáo thuế GTGT.

- CLO4: Vận dụng được lập và trình bày báo cáo thuế.

- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (t)			**Tổng**	**Khác**	
	LT	**TH**	**TL, BT**			
Chương 1: Chương 2:	1 2		 1	 4		10
Chương 2:	3		3	6		12
Chương 2:	3	2	1	6		12
Chương 3:	2	1	3	6		12
Chương 3: Chương 4:	1 1	2	3	6	*	13
Chương 4:	2		3	6	**	11
Chương 5:	2	2	3	6	*	13
Chương 5:	2		3	5		10
Chương 5:	2	1	2	5	*	10
Chương 6:	2		3	5		10
Chương 6:	2		1	5	*	12
Chương 6:	2	1	1	5		10
Tổng cộng	**27**	**9**	**27**	**63**		**135**

5. Phương pháp dạy học

Phương pháo thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I		**Kiểm tra thường xuyên** (04)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5,6	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II		**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III		**Thi cuối kì (01)**			
	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Phú Giang, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2016), *Kế toán thuế*, NXB tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính*, NXB Lao Động.

2) Nghiêm Văn Lợi (2008), *Giáo trình Kế toán Thuế,* Nhà xuất bản Tài chính.

6.38b. Kế toán quản trị 2/ Management Accounting 2

- Số tín chỉ: 03 (27; 36)
- Mã học phần: 153093
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu về định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp; Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện; có khả năng vận dụng các phương pháp định giá bán sản phẩm khác

nhau trong doanh nghiệp; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu, lập định mức và lên dự toán chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Thông qua việc xác định các chi phí sản xuất kinh doanh người học có khả năng tiến hành phân tích và đưa ra được những giải pháp tối ưu cho DN. Người học có đủ kiến thức để tiến hành phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ theo những phương pháp khác nhau và có thể lập được báo cáo bộ phận.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được các nhân tố ảnh hưởng đến định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp. Định mức và các chỉ tiêu khi lập dự toán trong doanh nghiệp. Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ theo những phương pháp khác nhau…

- CO2: Thực hiện phân tích nội dung cơ bản từng phương pháp định giá bán sản phẩm. Người học đủ khả năng phân tích đánh giá và cung cấp tư vấn cần thiết cho chủ đơn vị đưa ra các quyết định phù hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- CO3: Lập được các loại dự toán trong doanh nghiệp và lập các báo cáo bộ phận phát sinh trong từng trường hợp.

- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán quản trị để lập các loại dự toán trong DN, phân tích biến động chi phí. Phân bổ chi phí và lập báo cáo bộ phận theo từng tình huống có thể phát sinh trong thực tế.

- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý, dẫn dắt trong tổ chức và lựa chọn phương án kinh doanh hữu hiệu.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững Khái niệm và mục đích của kế toán quản trị, nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp. Xác định được đối tượng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phương pháp của kế toán quản trị.

- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán quản trị vào việc cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà quản trị trong quá trình ra các quyết định kinh doanh.

- CLO3: Người học nắm được các loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Tập hợp được chi phí và tính giá thành sản phẩm; lập báo cáo sản xuất. Nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo dạng lãi trên biến phí, trình tự ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp.

- CLO4: Vận dụng được các phương pháp của kế toán quản trị để giúp các nhà quản trị đưa ra các phương án kinh doanh tối ưu bằng những tình huống trong thực tiễn.

CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Tuần 1. Chương 1: Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp	3					10
Tuần 2. Chương 1: Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp	3	2	3			10
Tuần 3. Chương 1: Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp	3		3			10
Tuần 4. Chương 2: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh	1		3			15
Tuần 5. Chương 2: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh	3	2	3			10
Tuần 6. Chương 2: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh	2		2			10
Tuần 7. Chương 2: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh	3		3			10
Tuần 8. Chương 2: Dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh	2		3			10
Tuần 9. Chương 3: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận	1		2			10
Tuần 10. Chương 3: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận	2		3			15
Tuần 11. Chương 3: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận	2		3			10
Tuần 12. Chương 3: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận	2	2	2			15
Tổng cộng	**27**	**6**	**30**			**135**

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2021), *Kế toán quản trị*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), *Kế toán quản trị chi phí,* NXB Tài chính.

2) Trần Thị Thu Hường, Nguyễn Thị Hồng Điệp (2016), *Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.

6.39a. Kế toán ngân sách xã/ Accounting for communal unit

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153056
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp nội dung tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn; có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị xã, phường, thị trấn; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán tại các đơn vị xã, phường, thị trấn.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được đối tượng, nhiệm vụ yêu cầu của kế toán ngân sách xã, tổ chức công tác kế toán xã, phường, thị trấn; vị trí vai trò của kế toán ngân sách xã trong hệ thống kế toán công.
- CO2: Thực hiện được các thao tác vận hành kế toán tiền, vật tư, TSCĐ tại xã; kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và quỹ tài chính ngoài ngân sách tại xã; kế toán thu chi NS, thu chi sự nghiệp tại xã, phường, thị trấn
- CO3: Lập được và phân tích được báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán của đơn vị cấp xã, phường, thị trấn.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán để giải quyết các tình huống thực tế trong tổ chức kế toán ngân sách xã.

- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành kế toán tại xã, phường, thị trấn.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của kế toán ngân sách xã; nắm vững nội dung, phương pháp kế toán, trình tự hạch các phần hành kế toán ngân sách xã.

- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán vào tổ chức kế toán tiền, vật tư, TSCĐ tại xã; kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và quỹ tài chính ngoài ngân sách tại xã; kế toán thu chi ngân sách, thu chi sự nghiệp tại xã.

- CLO3: Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính, BC quyết toán

- CLO4: Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách xã

- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Tuần 1. Chương 1. Tổng quan về hệ thống kế toán TCNN	2			1		15
Tuần 2. Chương 2: Kế toán tiền, vật tư và TSCĐ tại xã	2	1	2			10
Tuần 3. Chương 2: Kế toán tiền, vật tư và TSCĐ tại xã	3		2			10
Tuần 4. Chương 2: Kế toán tiền, vật tư và TSCĐ tại xã	2	1	2	2		10
Tuần 5. Chương 3: Kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài NS tại xã	2		2			10
Tuần 6. Chương 3: Kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài NS tại xã	2		2			10
Tuần 7. Chương 3: Kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài NS tại xã	2	1	2	2		15
Tuần 8. Chương 4: Kế toán thu chi NS và thu chi sự nghiệp tại xã	2	1	1			10

Tuần 9. Chương 4: Kế toán thu chi NS và thu chi sự nghiệp tại xã	3		3			10
Tuần 10. Chương 4: Kế toán thu chi NS và thu chi sự nghiệp tại xã	3		3	2		10
Tuần 11. Chương 5: BCTC và BCQT ngân sách xã	2		2			15
Tuần 12. Chương 5: BCTC và BCQT ngân sách xã	2	1	2	2		10
Tổng cộng	**27**	**5**	**22**	**9**		**135**

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5,6	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Thị Minh Huệ, Phạm Thị Bích Thu, Nguyễn Thị Nhung (2023), *Giáo trình kế toán NSX*, NXB Đại học KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Tăng Bình - Ái Phương (2019), *Hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã,* NXB Hồng Đức.

2) Hữu Đại - Hữu Thắng (2017), *Nghiệp vụ kế toán xã, phường, thị trấn,* NXB Tài chính.

6.39b. Tổ chức công tác kế toán/ Organization for financial Accounting

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 153135
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tổ chức công tác kế toán từ việc thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán, nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng và Tổ chức bộ máy kế toán.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán; có kỹ năng tổ chức được bộ máy kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp, biết cách phân công, hướng dẫn, kiểm tra tất cả các công việc của từng nhân viên kế toán. Lập được chứng từ kế toán phù hợp với từng loại nghiệp vụ. Tổ chức luân chuyển chứng từ đến từng bộ phận, có khả năng ghi chép và phản ánh thông tin kế toán vào hệ thống sổ kế toán, có khả năng lập các báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được đối tượng, nhiệm vụ yêu cầu của tổ chức công tác kế toán, tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán, tổ chức bộ máy kế toán.
- CO2: Thực hiện lên được các sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ của các phần hành kế toán nguyên vật liệu, kế toán tiền lương, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí giá thành.
- CO3: Lập được được báo cáo tài chính.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp kế toán để giải quyết các tình huống thực tế trong tổ chức công tác kế toán.
- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của tổ chức công tác kế toán; nắm được nội dung tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán, tổ chức bộ máy kế toán.
- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, vận dụng chế độ sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin kế toán.
- CLO3: Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính.
- CLO4: Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính.
- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.
- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho

hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tổng cộng
	Giờ lên lớp (t)			Tự học	Khác	
	LT	TL BT	TH			
Chương 1: Nhiệm vụ và nội dung của tổ chức công tác kế toán	4			8		4
Chương 2: Tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán	3	1		8		4
Chương 2: Tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán	3	1	2	12		6
Chương 3: Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán	2	3		10		5
Chương 3: Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán	2	3	2	15	*	8
Chương 3: Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán	2	3		10	**	5
Chương 3: Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán	2	3	2	15	*	8
Chương 4: Tổ chức cung cấp thông tin kế toán	2	3		10		5
Chương 4: Tổ chức cung cấp thông tin kế toán	2	2	1	11	*	6
Chương 4: Tổ chức cung cấp thông tin kế toán	2	3		10		5
Chương 5: Tổ chức bộ máy kế toán	2	3		10	*	5
Chương 5: Tổ chức bộ máy kế toán	1	3	1	10		5
Tổng cộng	**27**	**27**	**9**	**135**		**63**

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I		**Kiểm tra thường xuyên** (04)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5,6	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II		**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III		**Thi cuối kì (01)**			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), *Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Hồ Mỹ Hạnh (2011), *Tổ chức hạch toán kế toán doanh nghiệp*, NXB Thống kê.

2) Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính*, NXB Lao Động.

6.40a. Kiểm toán hoạt động/ Operational audit

- Số tín chỉ: 03 (27; 36)
- Mã học phần: 153012
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản.

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán hoạt động trong doanh nghiệp như: Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu của kiểm toán hoạt động, chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động , tổ chức kiểm toán hoạt động. Giúp người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm toán hoạt động tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu các học phần kiểm toán đặc thù khác.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được khái niệm cơ bản kiểm toán hoạt động, đặc điểm của chức năng kiểm toán và ứng dụng phương pháp kiểm toán trong kiểm toán hoạt động.
- CO2: Người học nắm vững được các tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động được kiểm toán. Từ đó xây dựng được các tiêu chí để đánh giá hoạt động được kiểm toán
- CO3: Người học hiểu rõ được các chuẩn mực kiểm toán hoạt động; hiểu được các bước tổ chức kiểm toán hoạt động trong đơn vị. Vận dụng để thiết lập các quy trình kiểm toán hoạt động các hoạt động cơ bản trong đơn vị.
- CO4: Người học có thái độ hăng say trong học tập và nghiên cứu. Có tinh thần tập thể trong các hoạt động nhóm; Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ tôn trọng các chuẩn mực và tiêu chuẩn nghề nghiệp kế toán.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Hiểu được các kiến thức về tổ chức công tác kiểm toán trong đơn vị, các chuẩn mực kiểm toán, quy trình cơ bản của một cuộc kiểm toán hoạt động.

CLO2: Vận dụng các kiến thức về kiểm toán nhằm đánh giá và lượng hóa rủi

ro, lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các bằng chứng kiểm toán, đưa ra các nhận định hoặc kết luận kiểm toán hoạt động của bộ phận, đơn vị, tổ chức được kiểm toán.

CLO3: Vận dụng kiến thức về kiểm toán xây dựng được các tiêu chí để đánh giá hoạt động được kiểm toán; Xây dựng được quy trình kiểm toán hoạt động trong các đơn vị;của đơn vị, tổ chức được kiểm toán; Lập Báo cáo kiểm toán dạng phù hợp với kết quả và bằng chứng thu thập, đánh giá được.

CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành các bải tập, các nội dung thảo luận, các bài kiểm tra theo yêu cầu. Hiểu, rà soát được các căn cứ, cơ sở số liệu các báo cáo kế toán tài chính, kế toán quản trị của đơn vị, tổ chức được kiểm toán.

CLO5: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán. Có năng lực tự lập, sáng tạo và dẫn dắt về chuyên môn, phát huy được trí tuệ tập thể. Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	***Hình thức tổ chức dạy học***					***Tự học***
	Giờ lên lớp				***Khác***	
	Lý thuyết	***Thảo luận***	***Bài tập***	***Thực hành***		
Nội dung 1: Tổng quan về kiểm toán hoạt động **(2, 1, 0)**	3	2				15
Nội dung 2: Tổng quan về chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động **(2, 1, 1)**	3	3				15
Nội dung 3: Tổ chức kiểm toán hoạt động **(2, 2, 1)**	3	4				15
Nội dung 4. Kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực **(2, 2, 1)**	3	4				15
Nội dung 5: Kiểm toán hoạt động cung ứng **(2, 2, 0)**	3	5				15
Nội dung 6: Kiểm toán hoạt động sản xuất **(3, 1, 1)**	4	5				20
Nội dung 7: Kiểm toán các hoạt động thu chi và thanh toán **(3, 4, 0)**	4	5				15
Nội dung 8: Kiểm toán hệ thống thông tin **(2, 5, 2)**	4	8				25
Tổng	***27***	***36***				***135***

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận, thực hành giải quyết tình huống.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO5	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Quynh (2013), *Giáo trình Kiểm toán hoạt động,* NXB Đại học KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2011), *Sách bài tập Kiểm toán hoạt động,* NXB ĐHKTQD.

2) Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng (2012), *Kiểm toán nội bộ,* NXB Tài chính.

6.40b. Kiểm toán tuân thủ/ Compliance audit

- Số tín chỉ: 03 (27; 36)
- Mã học phần: 153013
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản.

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán như: Khái niệm, đối tượng, mục đích, nội dung, phạm vi và ý nghĩa của hoạt động kiểm toán tuân thủ. Cung cấp các kiến thức về lập quy trình kiểm toán tuân thủ cũng như các chuẩn mực kiểm toán tuân thủ mà KTV cần áp dụng khi tiến hành kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ rõ cúc mục tiêu, các tiêu chuẩn và kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cũng như kiểm toán hoạt động các hoạt động và các doanh nghiệp đặc thù.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được các kiến thức về: Khái niệm, đối tượng (bao gồm cả đối tượng tổng quát và đối tượng cụ thể), mục đích, chức năng, nội dung, phạm vi của hoạt động kiểm toán tuân thủ.

- CO2 Người học hiểu được các chuẩn mực, căn cứ, và tiêu chuẩn đánh giá; quy trình kiểm toán và các kỹ thuật thu thập bằng chứng được áp dụng trong quá trình triển khai hoạt động kiểm toán tuân thủ.

- CO3: Người học hiểu được mối quan hệ giữa KTTT và các hoạt động kiểm toán khác, cung cấp cho người học hiểu được thực hiện KTTT trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các hoạt động trong đơn vị.

- CO4: Người học có thái độ hăng say trong học tập và nghiên cứu. Có tinh thần tập thể trong các hoạt động nhóm. Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ tôn trọng các chuẩn mực và tiêu chuẩn nghề nghiệp kế toán.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị.

CLO2: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị

CLO3: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về quy trình kiểm toán tuân thủ, các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán. Có khả năng vận dụng và thực hành để xây dựng quy trình kiểm toán tuân thủ cho từng loại hình đơn vị và các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán sẽ sử dụng khi thực hiện kiểm toán cho từng loại hình đơn vị.

CLO4: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các loại hình đơn vị đặc thù như: doanh nghiệp sản xuất; đơn vị HCSN; trong đơn vị sử dụng và quyết toán vốn đầu tư XDCB; trong các ngân hàng thương mại; trong các doanh nghiệp bảo hiểm.

CL05: Có khả năng vận dụng và thực hành các bước cơ bản của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán BCTC tại các loại hình đơn vị đặc thù.

CLO6: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán của các hoạt động ở đơn vị sản xuất kinh doanh điển hình. Có khả năng vận dụng và thực hành các bước cơ bản khi kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động ở đơn vị sản xuất đặc biệt ở các khâu: quản lý và sử dụng nhân lực, hoạt động cung ứng, hoạt động sản xuất, hoạt động marketing.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tổng cộng
	Lý thuyết	T.luận, B.tập	Thực hành	Tự học	
Chương 1 - Khái quát chung về kiểm toán tuân thủ	3	3		11	
Chương 2 – Chuẩn mực, căn cứ kiểm toán và tiêu chuẩn đánh giá trong kiểm toán tuân thủ	3	3		11	
Chương 3 – Quy trình kiểm toán và các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán thu thủ	4	3		11	
Chương 4 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán BCTC	2	4		10	
Chương 4 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán BCTC	1	4		10	
Chương 4 –Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán BCTC	2	3		12	
Chương 4 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán BCTC	2	3		12	
Chương 4 –Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán BCTC	2	2		12	
Chương 5 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động	2	2		10	
Chương 5 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động	2	3		12	
Chương 5 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động	2	3		12	
Chương 5 – Kiểm toán tuân thủ trong quá trình kiểm toán hoạt động	2	3		12	
Tổng cộng	**27**	**36**		**135**	**63**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận, thực hành giải quyết tình huống.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CL05	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Vũ Thị Phương Liên, Đậu Ngọc Châu (2016), *Giáo trình Kiểm toán tuân thủ*, Nhà xuất bản thống kê.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Thịnh Văn Vinh & Phạm Tiến Hưng (2012), *Kiểm toán nội bộ*, Nhà xuất bản Tài chính , Hà Nội.

2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TPHCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán (2014), *Kiểm toán*. Nhà xuất bản Kinh tế TPHCM.

6.41a. Thuế/ Taxes

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế gồm 7 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; quản lý thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học Phần sẽ cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.

CO2: Người học hiểu rõ các phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thuế khác.

CO3: Người học vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.
- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp.
- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế
- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Những vấn đề cơ bản về thuế	3	3				15
ND2: Quản lý thuế	4	3				20
ND3: Thuế giá trị gia tăng	4		6	2		20
ND4: Thuế tiêu thụ đặc biệt	4		5	1		20
ND5: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	4		3	1		20
ND6: Thuế thu nhập doanh nghiệp	4		6	2		20
ND7: Thuế thu nhập cá nhân	4		4			20
	27	**6**	**24**	**06**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống thuế trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
4	Bài thảo luận nhón	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Hoằng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), *Chính sách và nghiệp vụ Thuế*, NXB Lao động.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Thuế,* Nxb Tài chính.

2) Lê Hoằng Bá Huyền (2016), *Câu hỏi và bài tập thuế*, Nxb Lao động.

6.41b. Thị trường chứng khoán/ Stock Markets

- Số tín chỉ: 03 (27; 24; 12)
- Mã học phần: 153125
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính – Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng

khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán; Giao dịch chứng khoán ở thị trường chứng khoán phi tập trung; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- CO2: Người học vận dụng và phân tích được thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Các chức năng của Sở giao dịch chứng khoán và thị trường chứng khoán phi tập trung;
- CO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư vào các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hình thành kỹ năng phân tích tính chất các loại trái phiếu, cổ phiếu từ đó có thể vận dụng vào thực tế để phân tích trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.
- CLO2: Phân tích, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đầu tư các loại chứng khoán như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh.
- CLO3: Có kỹ năng làm việc theo nhóm để phân biệt các chứng khoán cũng như cách thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán và thị trường chứng khoán phi tập trung; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.
- CLO4: Có kỹ năng thực hành tính toán trong việc xác định giá và khối lượng giao dịch trong khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục ở thị trường chứng khoán.
- CLO5: Có kỹ năng, năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Tổng quan về thị trường chứng khoán	2	2	0	0		10
ND2: Chứng khoán	4	2	3	0		20
ND3: Thị trường chứng khoán sơ cấp	2	1	0	2		10
ND4: Thị trường chứng khoán thứ cấp	5	2	1	2		25
ND5: Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán	5	2	5	2		25
ND6: Thị trường chứng khoán phi tập trung	5	2	0	6		25
ND7. Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán	4	4	0	0		20
Tổng	**27**	**15**	**9**	**12**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1; CLO3;	
2	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Lê Hoàng Nga (2020), *Thị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Bạch Đức Hiển (2008), *Giáo trìnhThị trường chứng khoán,* Nxb Tài chính.

2) Hoàng Văn Quỳnh (2008), *Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán*, Nxb tài chính.

6.41c. Tài chính công/ Public Finance

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152100
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần gồm kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công như khái niệm, phân loại tài chính công; khái niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công; Bộ máy quản lý tài chính công và các kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công như nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, nội dung thu chi NSNN, chu trình quản lý NSNN, hệ thống mục lục NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

CO2: Người học hiểu rõ quy trình lập dự toán ngân sách, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách, quản lý chi thường xuyên, chi đầu tư của ngân sách, quản lý thu thuế, phí, lệ phí thuộc NSNN, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

CO3: Người học vận dụng được kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn như lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý thu phí, lệ phí ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về tài chính công, quản lý tài chính công, quản lý thu chi NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN để xử lý các tình huống về tài chính công diễn ra trong thực tiễn.

- CLO2: Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN.

- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý tài chính công để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tài chính công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
		Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	
1	ND1: Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công	4	4	0	0	20
2	ND2: NSNN và chu trình NSNN	3	3	0	0	10,5
3	ND3: Quản lý thu NSNN	4	0	4	0	21
4	ND4: Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN	4	0	5	2	21,5
5	ND5: Quản lý chi thường xuyên của NSNN	4	0	5	2	21,5
6	ND6: Quản lý tài chính ở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	4	0	4	2	19,5
7	ND7: Tổ chức cân đối NSNN	2	0	2	0	10,5
8	ND8: Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN	2	0	3	0	10,5
Tổng cộng		**27**	**07**	**23**	**06**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống tài chính công trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
4	Bài thảo luận nhón	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%

1	Thi tự luận	Rubric Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Tài liệu bắt buộc***

Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), *Giáo trình quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Lý thuyết Tài chính công*, NXB ĐHQG, TPHCM.

2) Trương Huỳnh Thắng (2016), *Tìm hiểu luật Ngân sách Nhà nước,* Chính trị quốc gia.

6.42a. Phân tích hoạt động kinh doanh/ Business Activities Analysis

- Số tín chỉ: 04 (36; 48)
- Mã học phần: 152122
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh: đối tượng, phạm vi, phương pháp phân tích; kiến thức cơ bản về phân tích kết quả sản xuất, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào, phân tích chí phí SXKD và giá

thành sản phẩm, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- CO2: Vận dụng được các phương pháp phân tích để phân tích phân tích kết quả sản xuất; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào; phân tích chí phí SXKD và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tài chính

- CO3: Có kỹ năng phân tích tổng hợp, đánh giá thông tin về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích để giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách khoa học

- CO4: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

- CO5: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong việc tổ chức hoạt động phân tích hoạt động kinh doanh

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững đối tượng, nội dung, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh; nắm vững kiến thức về chỉ tiêu phân tích, phương pháp sử dụng để phân tích kết quả sản xuất, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào, phân tích chí phí SXKD và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- CLO2: Người học có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích vào phân tích phân tích kết quả sản xuất; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào; phân tích chí phí SXKD và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tài chính

- CLO3: Người học có khả năng phân tích được nguyên nhân sự biến động của các chỉ tiêu, nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động, từ đó có khả năng tổng hợp, đánh giá thông tin nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách khoa học

- CO4: Người học có năng lực phân tích tổng hợp, đánh giá và đề xuất được các phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đơn vị.

- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT,	TL, BT	BT			
Tuần 1. Đối tượng và phương pháp phân tích HĐKD	2	0		10	2	
Tuần 2. Phương pháp phân tích (tiếp)	2	3		10	5	
Tuần 3. Phân tích tình hình sử dụng yếu tố lao động	3	5		15	8	
Tuần 4. Phân tích tình hình sử dụng máy móc thiết bị và tình hình sử dụng nguyên vật liệu	2	3		15	5	

Tuần 5. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm	3	5		20	8	
Tuần 6. Phân tích các khoản mục chủ yếu của giá thành sản phẩm	3	6		15	9	
Tuần 7. Phân tích kết quả về khối lượng sản phẩm sản xuất	3	3		15	6	
Tuần 8. Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm	3	3		15	6	
Tuần 9. Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận	3	5		15	8	
Tuần 10. Phân tích rủi ro kinh doanh	1	0		7	1	
Tuần 11. Đánh giá khái quát thực trạng về tình hình tài chính thông qua cân bằng tài chính trên bảng CĐKT	3	5		8	8	
Tuần 12. Phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư	2	3		15	5	
Tuần 13. Phân tích khả năng thanh toán ngắn hạn. Phân tích năng lực hoạt động của tài sản	3	4		15	7	
Tuần 14. Phân tích khả năng sinh lời	3	3		15	6	
Tổng	**36**	**48**		**180**	**84**	

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5,6	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,34	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội.

2) Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.42b. Phân tích dữ liệu trong kế toán

- Số tín chỉ: 04 (36; 48)
- Mã học phần: 153001
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần *(Mô tả tóm tắt nội dung học phần)*

Môn học sẽ giới thiệu về dữ liệu kế toán, cơ sở, cách thức thu thập dữ liệu kế toán; phương pháp lưu trữ, sử dụng, trực quan hóa các dữ liệu kế toán. Học phần cung cấp cách thức, phương pháp phân tích dữ liệu kế toán, kiểm toán, thuế phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ra quyết định.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản dữ liệu kế toán, cơ sở dữ liệu kế toán

- CO2: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản cách thức trực quan hóa, lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong kế toán; cung cấp cho người học kỹ năng tư duy hệ thống, khả năng phân tích dữ liệu và luận giải kết quả phân tích

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và diễn giải các loại dữ liệu, cách thức thu thập từng loại dữ liệu kế toán

- CLO2: Thực hành trích xuất, chuyển đổi, tải, lưu trữ dữ liệu và thực hành xử lý dữ liệu với Excel

- CLO3: Vận dụng để lựa chọn kỹ thuật phân tích và xử lý kết quả phân tích dữ liệu kế toán trong báo cáo tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế

- CLO4: Thực hành minh họa dữ liệu trực quan bằng sơ đồ, hình ảnh, báo cáo kết quả phân tích với Excel và Tableau.

- CLO5: Phân tích được dữ liệu kế toán, kiểm toán, thuế và tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định

- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						
	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	Tổng giờ tín chỉ
Giới thiệu về phân tích dữ liệu trong kế toán	3	5		25			8
Lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong kế toán	7	9		20			16
Lựa chọn kỹ thuật phân tích và xử lý kết quả phân tích	10	12		50			22
Trực quan hóa dữ liệu và báo cáo kết quả phân tích	5	8		25			13
Môi trường kế toán hiện đại	5	7		30			12
Phân tích dữ liệu báo cáo tài chính	6	7		30			13
Tổng	**36**	**48**	**0**	**180**			**84**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Tài liệu bắt buộc***

Trần Thị Bích, Phạm Thị Mai Anh (2022), *Giáo trình phân tích dữ liệu*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

**** Tài liệu tham khảo***

1) Bộ Tài chính (2014) *Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC*

2) Quốc hội (2015), *Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015*

6.43. Thực tập tốt nghiệp/ Internship

- Số tín chỉ: 05 (0; 0; 150)
- Mã học phần: 153130
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành 70% số tín chỉ

1. Mô tả học phần:

Người học vận dụng kiến thức nghề nghiệp bao gồm các kiến thức chung về kinh tế và các kiến thức về kế toán đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Thực hiện vận dụng các kiến thức về kế toán để xử lý nghiệp vụ kế toán, phân tích tình hình kinh tế, tài chính tại đơn vị thực tập. Người học có thể hiểu và thực hành được các nội dung tổ chức công tác kế toán, thực hành các phần hành kế toán tại đơn vị kế toán cơ sở từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, và lập báo cáo kế toán. Đưa ra được những quan điểm về thực trạng kế toán để có các giải pháp cải thiện các tồn tại trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Người học có kiến thức thực tiễn về công tác kế toán tại các đơn vị, có khả năng xử lý các nghiệp vụ với các tình huống thực tế công tác kế toán tại một doanh nghiệp, tổ chức.

CO2: Học phần rèn luyện cho người học kĩ năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, các kỹ năng lập và đọc báo cáo và xử lý tình huống tại đơn vị cụ thể

CO3:Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ thực tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu các nội dung thực tập công việc kế toán tại đơn vị thực tập cũng như sau này công tác

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Vận dụng vào giải thích, phân tích và xử lý tình huống thực tế về công

tác kế toán tại một doanh nghiệp, tổ chức.

CLO2: Có khả năng thực hiện việc lập chứng từ, ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

CLO3: Lập và đọc các báo cáo kế toán theo các tình huống tại đơn vị.

CLO4: Có năng lực nghiên cứu độc lập, có kĩ năng trong giao tiếp làm việc tập thể để tiến hành thu nhận các thông tin tổng hợp và hoàn thành báo cáo thực tập đạt yêu cầu trở lên

CLO5: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch thực tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.

4. Nội dung học phần

Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp *(Thời gian: 4 tuần)*

Trong giai đoạn này SV phải thực tập các nội dung chủ yếu sau:

1. Tìm hiểu tình hình chung của đơn vị thực tập:

- Đặc điểm tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tổ chức chứng từ kế toán.
- Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán (hình thức kế toán).
- Tổ chức bộ máy kế toán,...
- Tình hình tài chính của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu sự vận dụng chế độ tài chính tại đơn vị thực tập.

2. Thực tập các phần hành kế toán:

- Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu, ứng trước;
- Kế toán tài sản cố định, đầu tư dài hạn;
- Kế toán nguyên liệu vật liệu, công cụ, dụng cụ;
- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương;
- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm;
- Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh;
- Kế toán Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập và phân tích báo cáo tài chính

Giai đoạn 2:Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.

(Thời gian: 10 tuần)

Trong giai đoạn này SV phải nghiên cứu sâu một chuyên đề và viết một báo cáo TTTN.

Gợi ý một số chuyên đề thực tập tốt nghiệp như sau:

- Kế toán vốn bằng tiền các khoản phải thu
- Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Kế toán tài sản cố đinh
- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng, kết quả kinh doanh
- Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu
- Lập và phân tích báo cáo tài chính

5. Phương pháp giảng dạy

Theo quy định hiện hành, giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu.

Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Phần I-HS thực tập			
1	Kế hoạch thực tập	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4, CLO 5	20%
2	Báo cáo giai đoạn 1			
3	Đề cương báo cáo giai đoạn 2			
4	Nhật ký thực tập			
II	Phần 2- Kết quả đơn vị thực tập			
	Kết quả đánh giá quá trình thực tập cảu người học do đơn vị thực tập đánh giá	Phiếu đánh giá	CLO4,CLO5	20%
III	Phần 3- Báo cáo TTTN			
	Chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4, CLO 5	60%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có mặt tại đơn vị thực tập và thực hiện các nội dung thực tập theo kế hoạch thực tập đã được giảng viên hướng dẫn xác nhận.

8. Tài liệu tham khảo chính

**** Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu

2) Tham khảo các tài liệu về kế toán trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức: http://thuvien.hdu.edu.vn/opac

6.44. Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation Thesis

- Số tín chỉ: 06 (0; 180; 0)
- Mã học phần: 153099
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Theo quy định đào tạo của Nhà trường

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Người học vận dụng kiến thức nghề nghiệp bao gồm các kiến thức chung về kinh tế, kế toán kiểm toán đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và tổ chức hoạt động kiểm toán. Thực hiện vận dụng các kiến thức về kế toán để xử lý nghiệp vụ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và lập báo cáo kiểm toán tại đơn vị thực tế.

Năng lực đạt được: Hiểu và thực hành được các nội dung tổ chức công tác kiểm toán, thực hành các kiểm toán các phần hành từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện,

và lập báo cáo kế toán. Đưa ra được những quan điểm về thực trạng công tác kiểm toán để có các giải pháp cải thiện các tồn tại tổ chức thực hiện kiểm toán tại đơn vị thực tế. Kết thúc nghiên cứu, sinh viên viết khoá luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1*:* Nắm vững được các kiến thức chung, chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán liên quan đến chuyên đề khoá luận
- CO2: Thực hành được lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán
- CO3: Lập được báo cáo kiểm toán; phân tích, đánh giá được thực trạng công tác tổ chức kiểm toán.
- CO4: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
- CO5: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong việc tổ chức kế toán- tài chính tại đơn vị

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững kiến thức kiểm toán để vận dụng thực hiện các công việc trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp
- CLO2: Người học có khả năng vận dụng để thực hành công tác kiểm toán tại đơn vị
- CLO3: Người học có khả năng phân tích được các tình huống, giải quyết tình huống liên quan đến công tác kiểm toán
- CO4: Người học có năng lực phân tích tổng hợp, đánh giá và đề xuất được các phương án giải quyết các vấn đề trong công tác kiểm toán
- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.
- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu
2. Xác định tính cấp thiết vấn đề cần nghiên cứu
3. Xây dựng đề cương nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu

1. Tìm hiểu cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu
2. Cơ sở lý luận đề tài nghiên cứu

Chương 3: Nghiên cứu thực trạng

1. Tổng quan về doanh nghiệp/đơn vị nghiên cứu
2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu
3. Những kết quả đạt được, hạn chế
4. Nguyên nhân của những hạn chế

Chương 4: Kiến nghị/đề xuất giải pháp

1. Định hướng phát triển

2. Các nhân tố ảnh hưởng

3. Kiến nghị giải pháp

Kết luận

Tài liệu tham khảo và phụ lục

5. Phương pháp giảng dạy:

Theo quy định hiện hành, giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch học tập và nghiên cứu.

Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

6. Phương pháp đánh giá môn học

Khóa luận được bảo vệ trước hội đồng và được chấm điểm theo thang điểm 10. Căn cứ để đánh giá kết quả khoá luận tốt nghiệp của sinh viên gồm các nội dung sau:

Phần 1: Lý do lựa chọn và tính cấp thiết của đề tài

Phần 2: Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu

Phần 3: Nội dung, kết quả nghiên cứu và kết luận

Phần 4: Hình thức khoá luận

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
1	Đánh giá thông qua HĐ chấm	Phiếu chấm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO 5, CLO6	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Mỗi sinh viên chọn một trong các nội dung trên hoặc một nội dung khác phù hợp với ngành học với điều kiện thực tế tại các đơn vị, các tổ chức kinh tế để viết báo cáo khoá luận tốt nghiệp.

Sinh viên phải có mặt tại đơn vị thực tế và thực hiện các nội dung chuyên đề khoá luận theo Đề cương chi tiết khoá luận đã được giảng viên hướng dẫn xác nhận.

Sinh viên có khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp theo chương trình đào tạo.

8. Tài liệu tham khảo chính

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB ĐH KTQD.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu.

2) Tham khảo các tài liệu về kế toán trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức: http://thuvien.hdu.edu.vn/opac

6.44. Lập và phân tích Báo cáo tài chính/ Preparation and analysis of small financial statements

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 155020
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích BCTC, bao gồm: Khái niệm, mục đích, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành và phương pháp lập BCTC và phương pháp phân tích BCTC. Từ đó, sinh viên có thể thực hiện được việc lập BCTC, nắm được cách thức phân tích BCTC trong doanh nghiệp. Giúp người học vận dụng được các phương pháp phân tích và cung cấp những thông tin thích hợp phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lập và phân tích BCTC; có khả năng phân tích cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn, phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, phân tích hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững được những kiến thức cơ bản về lập và phân tích BCTC, bao gồm: Khái niệm, mục đích, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành, yêu cầu đối với thông tin trình bày trên BCTC và phương pháp lập và phân tích BCTC.
- CO2: Lập được báo cáo tài chính trong doanh nghiệp bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- CO3: Phân tích các thông tin liên quan đến BCTC để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin hướng đến tương lai nhằm giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu được lợi nhuận cao nhất.
- CO4: Vận dụng kiến thức và phương pháp lập, phân tích BCTC để giải quyết các tình huống thực tế trong doanh nghiệp.
- CO5: Có khả năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình.
- CO6: Có khả vận dụng các kiến thức cơ bản phục vụ cho viết báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về lập và phân tích BCTC, bao gồm: Khái niệm, mục đích, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành, yêu cầu đối với thông tin trình bày trên BCTC, phương pháp lập và phân tích BCTC.
- CLO2: Người học nắm vững và vận dụng được nguyên tắc lập và trình bày các loại BCTC trong doanh nghiệp như Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- CLO3: Vận dụng lập và trình bày các loại báo cáo tài chính trong doanh nghiệp một cách thành thạo như: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- CLO4: Phân tích được các thông tin trên các báo cáo tài chính và đưa ra được các ý kiến tư vấn, đánh giá phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động của

doanh nghiệp.

- CLO5: Người học có kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; Kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tổng
	Giờ lên lớp (t)			Tự học	Khác	
	LT	TL, BT	TH			
Tuần 1. Chương 1: Giới thiệu chung về BCTC	2		1	15		3
Tuần 2. Chương 2: Phương pháp lập BCTC	2	2		10		4
Tuần 3. Chương 2: Phương pháp lập BCTC	2	2		10		4
Tuần 4. Chương 2: Phương pháp lập BCTC	2	4	2	10		8
Tuần 5. Chương 2: Phương pháp lập BCTC	2	4	2	10		8
Tuần 6. Chương 3: Phân tích BCTC	2	2		10		4
Tuần 7. Chương 3: Phân tích BCTC	2	3		10		5
Tuần 8. Chương 4: Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho HĐKD	2	3		10		5
Tuần 9. Chương 4: Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho HĐKD	3	4	2	10		9
Tuần 10. Chương 5: Phân tích tình hình và khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh	2	2		10		4
Tuần 11. Chương 5: Phân tích tình hình và khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh	2	4	2	10		8
Tuần 12. Chương 5: Phân tích tình hình và khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh	2	3		10		5
Tuần 13. Chương 5: Phân tích tình hình và khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh	2	2		10		4
Tổng cộng	27	27	9	135		63

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3,4	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				

	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì (01)**			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Nguyễn Văn Công (2019), *Phân tích BCTC*, NXB Giáo dục.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB ĐHKTQD.

2) Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng (2017), *Giáo trình Lập, đọc, phân tích và kiểm tra BCTC,* NXB Tài chính.

6.45. Thực hành kiểm toán/ Professional Practice in Auditing

- Số tín chỉ: 03 (27;9;27)
- Mã học phần: 153034
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản, Kiểm toán tài chính 1, 2.

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong nghề kiểm toán từ việc lập kế hoạch kiểm toán, cách thức thực hiện các phần hành trên hồ sơ kiểm toán đến lập báo cáo kiểm toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể nắm được công việc của một trợ lý kiểm toán và các yêu cầu cần thiết đáp ứng công việc; Thực hiện được các quy trình kiểm toán cơ bản trên bộ hồ sơ kiểm toán, thực hiện được các thủ tục kiểm toán đối với các khoản mục cơ bản; Lập được thư trao đổi với khách hàng về kết quả kiểm toán.
- CO2: Người học có thể trình bày hồ sơ kiểm toán của các thủ tục kiểm toán đối với các khoản mục cơ bản; Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kiểm toán (sử dụng Excel như công cụ hỗ trợ cho quá trình kiểm toán); Kỹ năng độc lập làm việc và nghiên cứu giải quyết tình huống; Biết cách tổ chức, phối hợp, trao đổi trong nhóm kiểm toán.
- CO3: Phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có nhận thức đúng về tính kỷ luật, sự cẩn thận và chu toàn trong công việc; Hiểu và duy trì tính trung thực trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Vận dụng các kiến thức về kiểm toán BCTC để hiểu về hồ sơ, thủ tục, công việc kiểm toán cần thực hiện trong kiểm toán báo cáo tài chính đối với các khoản mục và chu trình.

- CLO2: Thành thạo công việc liên quan đến hồ sơ, thủ tục, công việc kiểm toán cần thực hiện trong kiểm toán báo cáo tài chính đối với các khoản mục và chu trình.

- CLO3: Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán BCTC; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kiểm toán BCTC.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Tổng quan về thực hành kiểm toán	4		2	2		20
Nội dung 2: Lập kế hoạch kiểm toán	8		2	8		40
Nội dung 3: Thực hiện kiểm toán	11		2	14		55
Nội dung 4: Kết thúc kiểm toán	4		3	3		20
Tổng	**27**	**0**	**9**	**27**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL)*	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

Phan Trung Kiên (2011), *Kiểm toán – Lý thuyết và thực hành*, NXB Tài chính.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1) Quốc hội (2020), *Luật kiểm toán nhà nước Sửa đổi bổ sung năm 2019*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Học viện Tài chính 2020
https://www.hvtc.edu.vn/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx
- Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân (2021)
https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/30.%20Ng%C3%A0nh%20Ki%E1%BB%83m%20to%C3%A1n_CT%C4%90T%202021.pdf
- Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022 – Trường đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
https://drive.google.com/file/d/1CTeM09P_ucpG-r5FzLlz3dqwXQo48oy1/view
- Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022 – Viện Kế toán Kiểm toán Trường đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội
https://vienketoankiemtoan.fbu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kiem-toan/
- Trường đại học Far Eastern , Philippines, Bachelor of Science in Internal Auditing
https://www.feu.edu.ph/wp-content/uploads/2023/03/BSIA-CURRICULUM.pdf

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách

nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đậu Bá Thìn